ThangLong
SECURITIES

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

ThangLong
SECURITIES

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010

2010 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

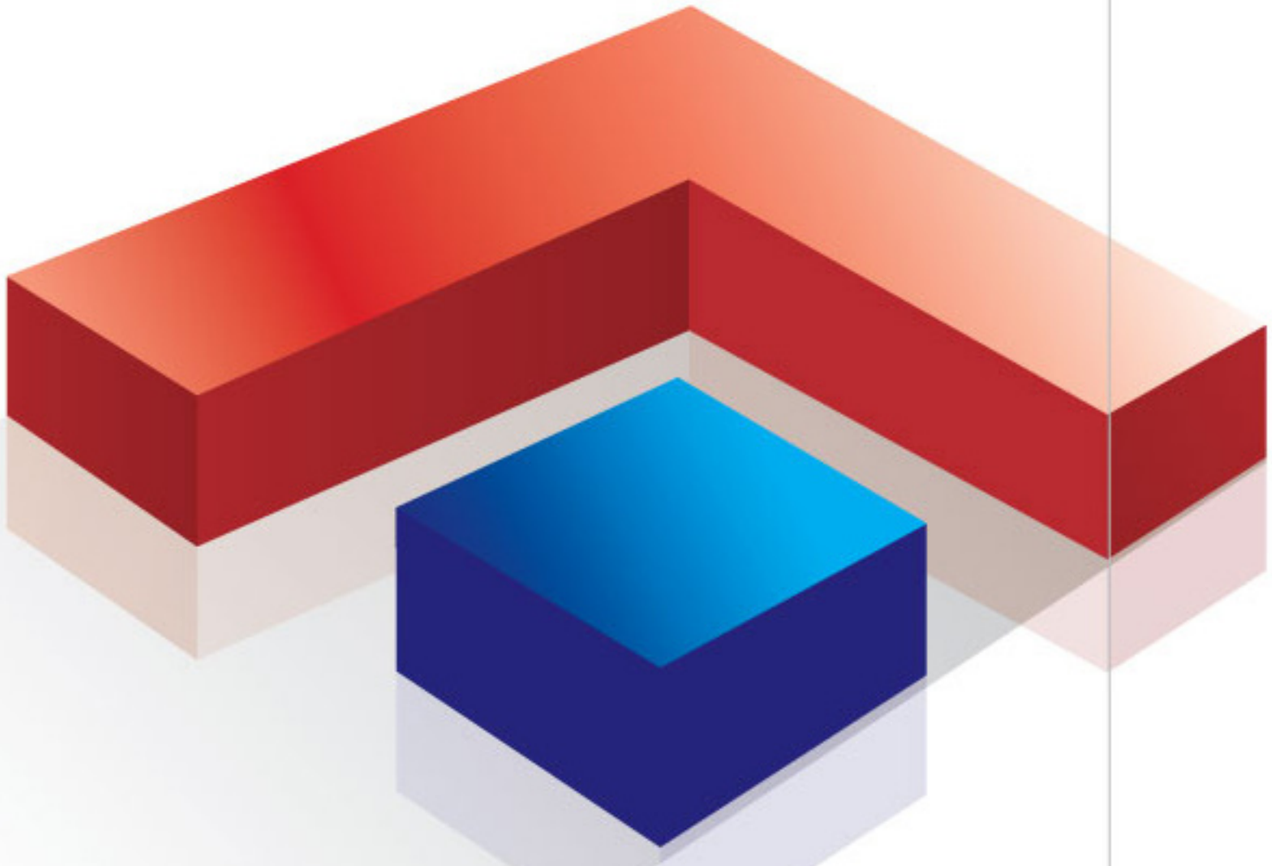

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
GIỚI THIỆU CÔNG TY	5 - 10
Lịch sử hoạt động	5
Con người TLS	5
Lĩnh vực hoạt động	6
Tầm nhìn	6
Sứ mệnh	6
Giá trị cốt lõi	6
Các mốc thời gian quan trọng	7 - 8
Những nét nổi bật năm 2010	9 - 10
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG	11 - 20
Báo cáo tình hình tài chính	12
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	13 - 16
Triển vọng và kế hoạch trong tương lai	17 - 20
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	21 - 62
Báo cáo của Hội đồng quản trị	23 - 25
Báo cáo kiểm toán độc lập	26
Bảng cân đối kế toán	27 - 31
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	32
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	33 - 34
Thuyết minh các báo cáo tài chính	35 - 62
TỔ CHỨC NHÂN SỰ	63 - 67
Cơ cấu tổ chức	64
Tóm tắt lý lịch Ban điều hành	65 - 66
Chính sách đối với người lao động	67
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	68 - 69
Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát	68
Hoạt động của HĐQT	68 - 69
Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty	69
Tỷ lệ sở hữu cổ phần	69
MẠNG LƯỚI	70

THÔNG ĐIỆP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính thưa quý vị!

Năm 2010 kết thúc với nhiều cảm xúc đặc biệt. Trái với dự báo của hầu hết các chuyên gia kinh tế từ đầu năm về một hình ảnh sáng sủa của nền kinh tế thế giới, năm 2010 chứng kiến một kịch bản với nhiều màu sắc. Bên cạnh bất ổn của kinh tế thế giới ngày càng phức tạp, chúng ta còn phải đối mặt với những khó khăn nội tại của kinh tế Việt Nam. Lạm phát lên tới 11,75% vượt xa mục tiêu 8% trong năm của Chính phủ, kéo theo đó là sức ép về lãi suất, tỷ giá… gây ra những tác động không nhỏ cho nền kinh tế trong nước nói chung và hoạt động của các doanh nghiệp nói riêng. Mặc dù vậy, GDP năm 2010 có nhiều dấu hiệu khả quan, tăng trưởng GDP tính theo giá so sánh tăng khoảng 6,78%, vượt mục tiêu 6,5% đề ra từ đầu năm.

Với thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam, năm 2010 đã kết thúc không có kết quả tốt như được kỳ vọng. Đây là hệ quả do chính sách tiền tệ thắt chặt, sức ép lạm phát sinh ra do chính sách tiền rẻ được thực hiện từ đầu năm 2009. Các chỉ số VN Index và HNX Index mặc dù sụt giảm không nhiều nhưng cũng chưa phản ánh hết những khó khăn của TTCK Việt Nam trong năm qua. Các đợt IPO liên tiếp thất bại và không diễn ra sôi động như nhiều năm trước. Trong bối cảnh ấy, sự tích cực tham gia của khối các nhà đầu tư nước ngoài thể hiện qua việc mua ròng liên tục từ tháng 10/2009 là một điểm sáng. Bên cạnh đó, chúng ta cũng được chứng kiến sự chuyển dịch âm thầm nhưng không kém phần sôi động của các công ty chứng khoán, liên tục thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, đầu tư công nghệ, tìm kiếm đối tác nước ngoài, … Tất cả tạo nên những đợt sóng ngầm hứa hẹn một sự cạnh tranh mới về chất lượng, dịch vụ và con người.

Năm 2010 đánh dấu một cột mốc quan trọng của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (TLS), kỉ niệm 10 năm thành lập công ty. Với không khí thi đua sôi nổi nhằm lập nhiều thành tích mừng sinh nhật công ty, toàn thể Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên TLS đã hoàn thành tốt những mục tiêu đề ra trong năm qua mặc dù có thể nói đây là một năm có nhiều sóng gió của nền kinh tế Việt Nam nói chung và TTCK Việt Nam nói riêng. TLS đã tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về thị phần giao dịch chứng khoán tại cả SGDCK Hà Nội và SGDCK Hồ Chí Minh, cũng như tiếp tục mở rộng quy mô công ty: tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ VNĐ với tổng tài sản đạt gần 7.000 tỷ VNĐ, cơ cấu và hoàn thiện tổ chức, tuyển dụng nhiều nhân sự cao cấp có trình độ,… Một nền tảng vững chắc đang dần được tạo nên cho những kế hoạch bứt phá lớn về lợi nhuận trong những năm tiếp theo.

Quý vị thân mến!

"Một năm còn nhiều thử thách cho nền kinh tế Việt Nam" là một nhận định được nhiều người dự báo. Trong năm 2011, Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ở quanh mức 7 – 7,5%. Tuy nhiên đây ko phải là nhiệm vụ dễ dàng do những thách thức vĩ mô hiện tại như: lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh, lãi suất còn ở mức cao, tỉ giá bất ổn và còn nhiều yếu tố thuộc về tự nhiên như thiên tai bão lụt. Mặc dù vậy cũng có nhiều nhận định cho rằng nửa cuối 2011 nền kinh tế sẽ xuất hiện những dấu hiệu của sự hồi phục và có thể đạt mức tăng trưởng cao hơn.

TTCK Việt Nam năm 2011 được dự báo chỉ tăng trưởng ở mức vừa phải nhưng cũng không kém phần sôi động với những đợt sóng lớn và sự tham gia ngày càng sâu rộng của các yếu tố mang tính chất nước ngoài ở cả khía cạnh nhà đầu tư cũng như các công ty chứng khoán.

Năm 2011 với TLS được kì vọng là một bước ngoặt lớn, cùng sự chuẩn bị rất kỹ lưỡng trong việc tạo dựng vị thế, hình ảnh, đội ngũ và công nghệ trong hơn 2 năm qua, TLS tin tưởng sẽ tạo nên một sức bật lớn về lợi nhuận trong năm 2011. Bên cạnh những hình ảnh mới về Môi giới sẽ được thực hiện trong năm 2011, mảng Ngân hàng đầu tư hứa hẹn sẽ trở thành một mũi nhọn quan trọng đem lại sự tăng trưởng đột biến về lợi nhuận của TLS.
Để hoàn thành những mục tiêu đó, bên cạnh sự quyết tâm, đoàn kết và trí tuệ của Ban điều hành cùng toàn thể cán bộ nhân viên Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long, còn cần sự quan tâm và ủng hộ rất lớn từ các đối tác lớn, khách hàng và đặc biệt là từ các cổ đông của Công ty. Chúng tôi kêu gọi một sự tin tưởng, chia sẻ và đóng góp tích cực vì sự lớn mạnh của TLS.

Mười năm là một chặng đường dài với một công ty chứng khoán non trẻ tại một thị trường khá mới mẻ, Chứng khoán Thăng Long xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành tới tất cả quý khách hàng của công ty, những người đã và sẽ luôn sát cánh, chia sẻ những khó khăn và thành công với chúng tôi trong suốt những năm qua và trong tương lai. TLS cam kết sẽ liên tục không ngừng đổi mới để trở thành một cầu nối quan trọng, một nơi để tất cả quý vị tiếp tục đặt niềm tin và tạo dựng thành công.

Xin chân thành cảm ơn!

Lê Đình Ngọc
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGĐ

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Lịch sử hoạt động

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (TLS) là một trong 5 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau hơn mười năm không ngừng phát triển, TLS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam cung cấp đầy đủ một hệ thống phong phú, hoàn chỉnh các dịch vụ về chứng khoán và ngân hàng đầu tư. Đặc biệt, từ năm 2009 đến nay, TLS đã vươn lên dẫn đầu thị phần môi giới tại cả hai sở giao dịch: Sở GDCK Hà Nội (HNX) và Sở GDCK TP. HCM (HSX).

Với thế mạnh là công ty thành viên trong hệ thống MB, TLS liên tục vươn lên đạt các mốc phát triển mới cả về quy mô và nghiệp vụ. Mạng lưới chi nhánh và các phòng giao dịch của TLS đã được mở rộng và hoạt động có hiệu quả tại nhiều thành phố trọng điểm. Vốn điều lệ của TLS đã tăng dần qua các năm từ 9 tỷ VNĐ lên 1.200 tỷ VNĐ. Tổng tài sản đạt gần 7.000 tỷ VNĐ, trở thành một trong những công ty có quy mô tài sản lớn nhất hiện nay.

Ngày 28 tháng 12 năm 2007, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ký Quyết định số 98/UBCK-GPĐCCTCK chấp thuận cho Công ty Chứng khoán Thăng Long chuyển đổi hình thức sở hữu từ TNHH sang Công ty Cổ phần, thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo Luật định.

Con người TLS

Con người là một trong các yếu tố quan trọng nhất đóng góp vào sự thành công của Công ty Chứng khoán Thăng Long. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 tổng số nhân sự đang làm việc tại TLS là 577 người, tăng 267 người so với năm 2009. Trong số đó có hàng chục chuyên gia phân tích và hàng trăm chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân (PCS) chuyên nghiệp được đào tạo bài bản, có tư cách đạo đức tốt, không ngừng phấn đấu để cung cấp dịch vụ và các giải pháp kinh doanh cho khách hàng với sự cẩn trọng, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao nhất.

Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Tiến sỹ	4	0.7
Thạc sỹ	56	9.7
Đại học	477	82.7
Dưới đại học	40	6.9
Tổng cộng	**577**	**100**

Lĩnh vực hoạt động

Từ hai nghiệp vụ đầu tiên là môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư, hiện nay TLS đã triển khai đầy đủ các nghiệp vụ của một công ty chứng khoán bao gồm:

Tầm nhìn

TLS hướng tới trở thành một ngân hàng đầu tư toàn diện tại Việt Nam, hoạt động với các chuẩn mực chuyên nghiệp cao.

Sứ mệnh

Với đội ngũ nhân sự năng động, chuyên nghiệp và tận tâm làm việc trong môi trường văn hóa tin cậy, cẩn trọng và được đầu tư thích đáng về công nghệ, TLS sẽ là chỗ dựa tin cẩn cho khách hàng, cổ đông và người lao động. Bên cạnh việc mở rộng hoạt động kinh doanh, xây dựng hình ảnh thương hiệu về một tổ chức tài chính uy tín, TLS sẽ luôn tham gia và đồng hành cùng các hoạt động xã hội và cộng đồng.

Giá trị cốt lõi

TLS cam kết xây dựng môi trường văn hóa tin cậy, chuyên nghiệp, hiệu quả và cẩn trọng, thể hiện trong từng mối quan hệ với khách hàng, đối tác và nhân viên, trong từng quyết định đầu tư nhằm mang đến mức sinh lời vượt trội cho những nhà đầu tư đã tin tưởng trao gửi.

CÁC MỐC THỜI GIAN QUAN TRỌNG

2000

Thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân Đội với vốn điều lệ 9 tỷ VNĐ

2003

- *Tăng vốn điều lệ lên 43 tỷ VNĐ*
- *Khai trương Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh*

2006

- *Tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ VNĐ*
- *Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ VNĐ*

2007

- *Tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ VNĐ*
- *Cổ phần hóa và tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ VNĐ*

2008

- *Tăng vốn điều lệ lên 420 tỷ VNĐ*

2009

- *Khai trương Chi nhánh Hải Phòng*
- *Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ VNĐ*
- *Trở thành công ty chứng khoán có vị trí thị phần môi giới số 1 tại cả hai Sở giao dịch HNX và HOSE*

2010

- *Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ VNĐ*
- *Khai trương Chi nhánh Thanh Hóa*
- *Khai trương Chi nhánh Vũng Tàu*

NHỮNG NÉT NỔI BẬT NĂM 2010

Mặc dù 2010 là một năm khá bất ổn với nhiều biến động, nhưng với sự chỉ đạo sát sao của Ban điều hành cùng với quyết tâm, đoàn kết của toàn thể cán bộ nhân viên trong công ty, TLS đã đạt được nhiều mục tiêu đề ra, từng bước lớn mạnh, tạo tiền đề vững chắc cho những bứt phá lớn về lợi nhuận trong các năm tiếp theo. Đầu tiên là việc TLS đã tổ chức thành công lễ kỉ niệm 10 năm thành lập công ty với nhiều hoạt động sôi nổi và ý nghĩa, góp phần không nhỏ tạo dựng hình ảnh một tổ chức tài chính chuyên nghiệp và giàu bản sắc trên TTCK Việt Nam. Lễ kỉ niệm cũng là dịp giúp TLS tri ân tới khách hàng, đối tác, cổ đông,… và khơi dậy quyết tâm, tạo sức mạnh mới cho mỗi cán bộ nhân viên Chứng khoán Thăng Long. Tiếp theo là việc thương hiệu TLS được ghi nhận với những giải thưởng và danh hiệu lớn trong năm như:

- *Bằng khen của UBND TP. Hà Nội về thành tích đạt được trong 10 năm thành lập*
- *Cúp Thăng Long do UBND thành phố Hà Nội trao tặng năm 2010*
- *"Doanh nghiệp tiêu biểu" trong chương trình "Trí tuệ Thăng Long – Hà Nội"*
- *"Thương hiệu chứng khoán uy tín" năm 2010 dành cho các doanh nghiệp tiêu biểu trên TTCK Việt Nam*
- *Nằm trong danh sách 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam (VNR500) do Báo VietNamNet bình chọn năm 2010*

Bên cạnh thành công về hình ảnh, TLS năm 2010 tiếp tục ghi nhận dấu ấn về kinh doanh: tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về thị phần ở cả hai Sở giao dịch: Sở GDCK Hà Nội (HNX) và Sở GDCK TP. HCM (HSX); hoàn thiện mô hình ngân hàng đầu tư, hứa hẹn một lĩnh vực mang lại sức mạnh mới của TLS trong những năm tới; duy trì đà phát triển về quy mô và hoàn thiện tổ chức, đây chính là nền tảng vững chắc cho công ty. Mặc dù còn nhiều chỉ tiêu chưa đạt được kết quả như mong muốn nhưng có thể nói 2010 là một năm thành công với TLS cả về lĩnh vực kinh doanh cũng như tạo dựng một hình ảnh mới của một tổ chức tài chính hàng đầu.

TOP 10 THỊ PHẦN MÔI GIỚI TẠI HOSE

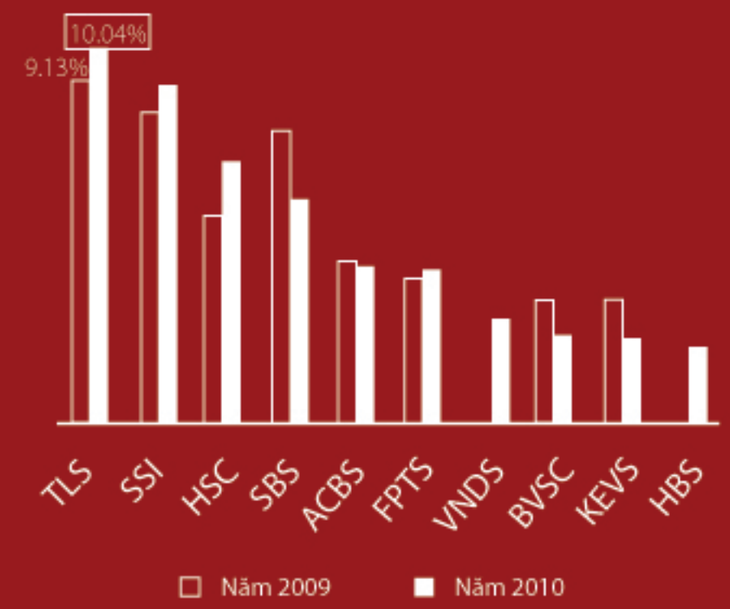

TOP 10 THỊ PHẦN MÔI GIỚI TẠI HNX

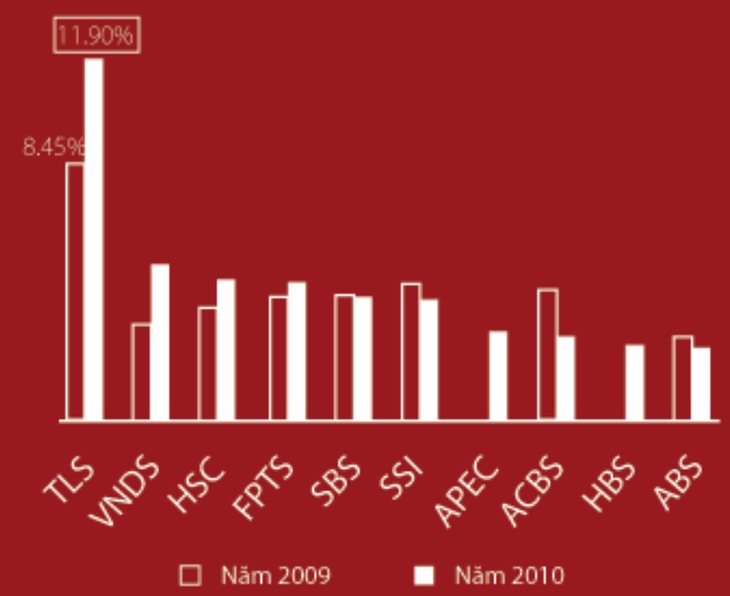

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

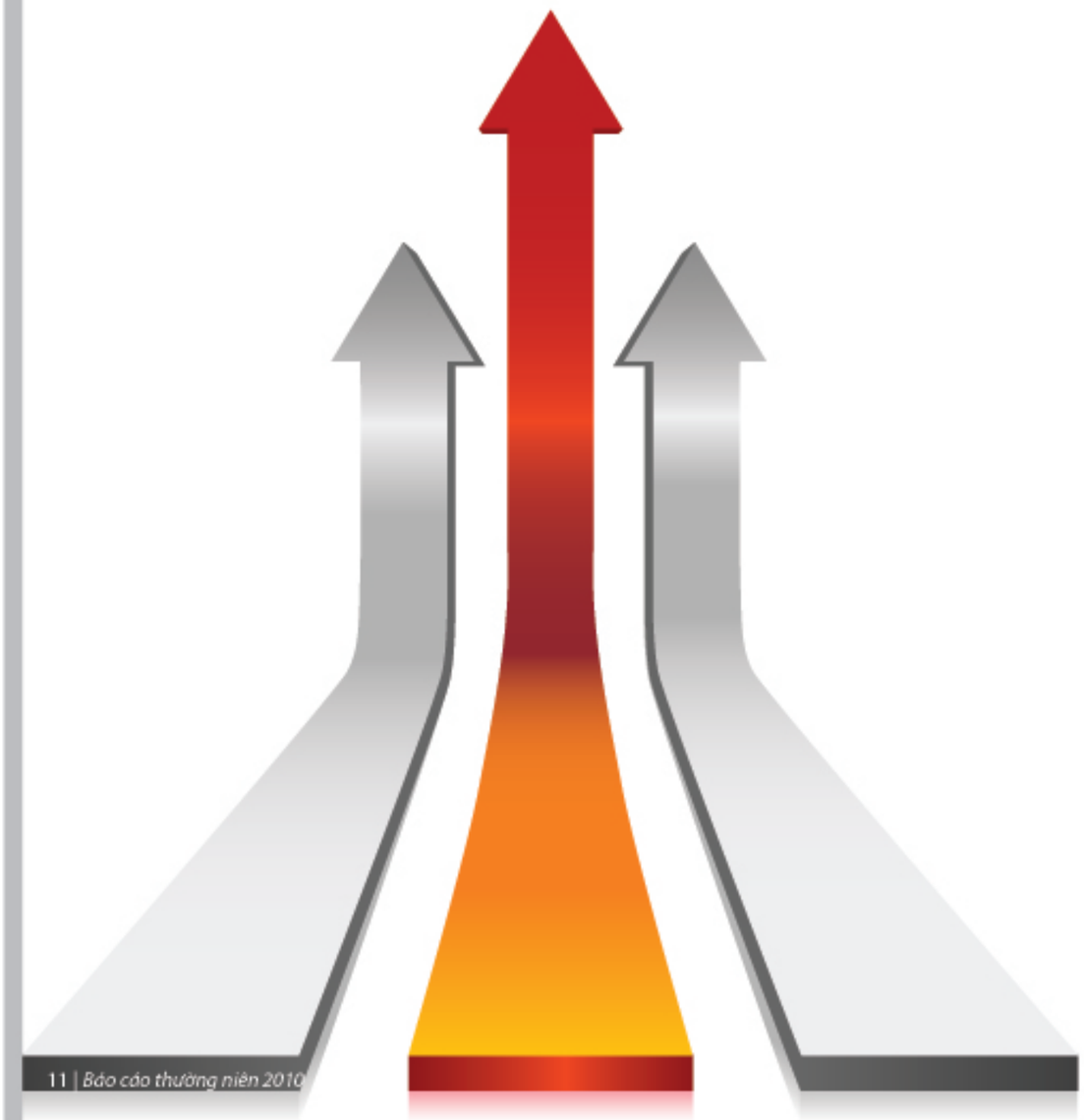

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản	%		
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản		14.77	9.98
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản		85.23	90.02
Cơ cấu nguồn vốn	%		
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		78.61	79.00
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		21.39	21.00
Khả năng thanh toán	Lần		
Khả năng thanh toán nhanh		1.12	1.19
Khả năng thanh toán hiện hành		1.12	1.19
Tỷ suất lợi nhuận	%		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.68	2.10
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		3.55	14.85
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		3.20	10.01

Giá trị sổ sách

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 giá trị sổ sách của Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long là: 11.619 VNĐ/1 CP

Số lượng cổ phiếu

STT	Nội dung	Tổng số cổ phiếu	
		Số đầu năm	Số cuối năm
1	Cổ phiếu thường	80.000.000	120.000.000
2	Cổ phiếu ưu đãi		

Số lượng trái phiếu

STT	Nội dung	Tổng số trái phiếu	
		Số đầu năm	Số cuối năm
1	Trái phiếu phát hành	13.120.000	10.000.000
2	Trái phiếu chuyển đổi		

Cổ tức

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Số tiền	
		Năm trước	Năm nay
1	Cổ tức	1	

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả kinh doanh chung của TLS

Diễn biến bất thường của thị trường chứng khoán năm 2010 đã ảnh hưởng không nhỏ tới kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán nói chung và TLS nói riêng. Theo số liệu của UBCKNN công bố thì có hơn 20 công ty chứng khoán làm ăn thua lỗ, nhiều công ty chứng khoán trong tình trạng doanh thu chỉ đủ bù đắp chi phí và hầu hết các công ty chứng khoán không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

KẾT QUẢ KINH DOANH TLS

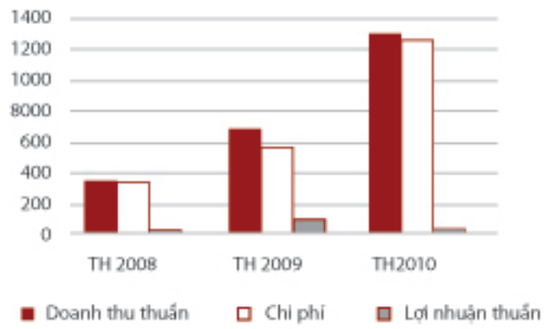

Vượt lên trên những khó khăn thử thách của thị trường, toàn thể cán bộ nhân viên TLS đã đồng lòng phấn đấu hoàn thành tốt công việc để mang lại lợi nhuận cho công ty.

Kết thúc năm tài chính, doanh thu toàn TLS đạt 1.307 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt hơn 48 tỷ đồng.

Tổng tài sản và nguồn vốn chủ sở hữu không ngừng gia tăng trong 3 năm từ 2008 đến năm 2010. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, tổng tài sản TLS đạt 6.519 tỷ đồng (tăng 235% so với năm 2008 và tăng 40% so với năm 2009), vốn chủ sở hữu đạt 1.394 tỷ đồng (tăng 43% so với năm 2009)

TÀI SẢN VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU

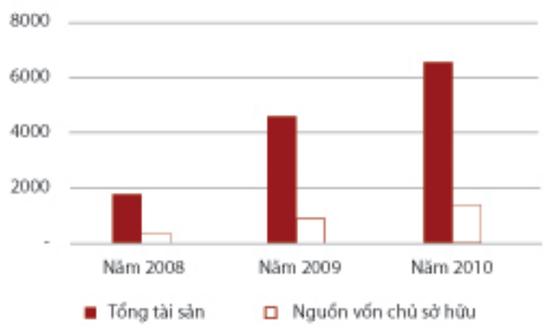

Kết quả hoạt động các nghiệp vụ

Hoạt động Môi giới

Năm 2010, TLS đã hoàn thành xuất sắc mục tiêu giữ vững vị trí số 1 về môi giới chứng khoán trên cả hai sàn HOSE và HNX với thị phần tương ứng là 10,04% và 11,09%. Khách hàng ngày càng đặt niềm tin vào chất lượng dịch vụ của TLS, kết thúc năm 2010, số lượng tài khoản quản lý đạt 45.729 tài khoản (tăng 206% so với năm 2008 và tăng 69,7% so với năm 2009)

TÀI KHOẢN QUẢN LÝ

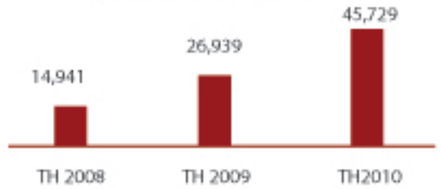

Nghiệp vụ Môi giới là một trong những nghiệp vụ thành công nhất của TLS năm 2010, có được thành công trên là do công ty đã chủ động đưa ra các chính sách linh hoạt phù hợp với nhu cầu của khách hàng, đảm bảo tốt chất lượng cung cấp dịch vụ, được khách hàng tin tưởng.

Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

TLS cam kết mang đến cho khách hàng các dịch vụ ngân hàng đầu tư tốt nhất, đa dạng và chuyên nghiệp nhất. Các dịch vụ bao gồm:

- Tư vấn phát hành cổ phiếu
- Tư vấn phát hành trái phiếu
- Tư vấn M&A

Bên cạnh đó, TLS cũng cung cấp dịch vụ Tư vấn tài chính cho khách hàng như tư vấn cổ phần hóa, tư vấn niêm yết, tư vấn tái cấu trúc tài chính,...

Năm 2010 TLS đã mở rộng thêm một số khách hàng lớn có uy tín trên thị trường, chất lượng các hợp đồng do TLS cung cấp được khách hàng đánh giá rất cao và đem lại nguồn thu tốt cho công ty.

Hoạt động Nghiên cứu

TLS cung cấp tới khách hàng các báo cáo định kỳ về kinh tế vĩ mô, chính sách tiền tệ, về thị trường, cổ phiếu. Ấn phẩm chính thức của đội ngũ nghiên cứu TLS bao gồm: Báo cáo Triển vọng Việt Nam phát hành hàng tháng, báo cáo Thị trường nợ phát hành hàng tuần, báo cáo các ngành Ngân hàng, Bất động sản, Tiêu dùng…

Mục tiêu TLS hướng tới đó là cung cấp các số liệu, bình luận các sự kiện mới nhất; phân tích, dự báo và khuyến nghị các cơ hội đầu tư tốt nhất cho khách hàng. Sự am hiểu sâu sắc về kinh tế Việt Nam, về sản phẩm dịch vụ, về thị trường của TLS là một lợi thế lớn khi phát triển các mô hình dự báo và các bình luận. Điều này sẽ giúp khách hàng của TLS trong việc ra các quyết định đầu tư đúng đắn với mức rủi ro thấp nhất.

Hoạt động Đầu tư tự doanh

Sự giảm điểm liên tiếp của thị trường chứng khoán trong những tháng cuối năm 2010 đã gây ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động đầu tư tự doanh TLS. Giá trị tài sản ròng tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 đạt hơn 1000 tỷ đồng. Trong năm 2010, TLS cũng đã thực hiện tái cơ cấu lại danh mục đầu tư ở mức hợp lý giữa cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu OTC và trái phiếu.

Hoạt động Nguồn vốn

Mặc dù thị trường tiền tệ và thị trường chứng khoán năm 2010 có nhiều diễn biến bất thường nhưng hoạt động nguồn vốn luôn đáp ứng nhu cầu và đảm bảo an toàn nguồn vốn trên toàn hệ thống. Mảng kinh doanh trái phiếu cũng đã bắt đầu thể hiện được hiệu quả hoạt động cho TLS.

Các hoạt động xã hội

Để duy trì vị trí dẫn đầu, TLS phải không ngừng phát triển cũng như điều chỉnh linh hoạt để thích nghi với những biến động của môi trường kinh doanh và tăng sức cạnh tranh trên thị trường. Tuy nhiên, có những nguyên tắc và giá trị mà Chứng khoán Thăng Long không bao giờ thay đổi, một trong số đó là hướng đến việc xây dựng một TLS vì cộng đồng. Cam kết này đã được Công ty củng cố bằng hàng loạt những hành động cụ thể và thiết thực trong năm 2010 vừa qua.

Quỹ Trái tim TLS đã có một năm bận rộn với các hoạt động từ thiện diễn ra thường xuyên hơn, có chọn lọc hơn và quy mô cũng lớn hơn. Hơn 700 triệu đồng do cán bộ nhân viên cùng Ban Lãnh đạo và khách hàng của TLS quyên góp đã được sử dụng thực sự hiệu quả vào các chương trình xã hội.

Chương trình "Mỗi tháng một địa chỉ" ra đời và được duy trì trong suốt năm 2010 nhằm giúp đỡ những cảnh đời éo le, đặc biệt là các em nhỏ có hoàn cảnh khó khăn khắp nơi trên cả nước mà báo chí và các phương tiện truyền thông còn chưa nhắc tới. Không thờ ơ trước những bất hạnh mà thiên tai reo xuống miền Trung, khi những đợt lũ lịch sử còn chưa kết thúc, hàng trăm trái tim của Chứng khoán Thăng Long đã chung tay cùng cả nước kịp thời ủng hộ tài chính, lương thực, quần áo ấm… đến đồng bào nơi đây. Tận tay đại diện Ban Lãnh đạo Công ty cùng những tình nguyện viên khác đã trực tiếp trao từng yến gạo, từng chiếc chăn ấm đến người dân Quảng Bình, Hà Tĩnh và Ninh Thuận vào lúc họ khốn khó, nguy kịch nhất. Và khi những cơn lũ qua đi, TLS lại tiếp tục hỗ trợ máy vi tính, sách vở và thiết bị học tập cho 53 trường học tại Hà Tĩnh, trao học bổng cho hàng chục em học sinh tại Quảng Bình.
Bên cạnh đó, những chương trình từ thiện thường niên như "Xuân yêu thương, xuân chia sẻ", "Vì một dân tộc khỏe mạnh và phát triển", "Tháng vì người nghèo" tiếp tục được duy trì với các hoạt động như: đến thăm và tặng quà cho các bệnh nhi ung thư các bệnh viện tại Hà Nội; hỗ trợ cho các trung tâm chăm sóc người già, trẻ em khuyết tật và mồ côi; cử đoàn tình nguyện giúp các xã nghèo xây dựng thư viện, bệnh xá, cấp thuốc và tài trợ khám bệnh miễn phí… cùng các hoạt động thiết thực khác. Thành công của những chương trình từ thiện này không chỉ nhờ vào các khoản đóng góp tài chính mà đó còn là sự tự nguyện, lòng trắc ẩn và ý thức cộng đồng ở mỗi thành viên TLS.
Hoạt động đền ơn đáp nghĩa trong năm 2010 cũng được Chứng khoán Thăng Long đẩy mạnh nhằm giáo dục truyền thống và phát huy những giá trị nhân văn của người Việt trong mỗi cán bộ nhân viên TLS bằng các hoạt động như: trở lại Nghĩa trang Trường Sơn thắp hương cho các liệt sĩ hy sinh vì Tổ quốc và đến thăm các nữ pháo binh Ngư Thủy tại Quảng Bình…

Chứng khoán Thăng Long luôn hiểu rõ giá trị của giáo dục đối với sự phát triển nền kinh tế và đất nước. Việc tài trợ cho giáo dục và các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên các trường đại học được Công ty rất quan tâm và coi trọng. Tiêu biểu trong năm 2010, TLS đã tài trợ cho đội tuyển SIFE - Đại học Kinh tế Quốc Dân tham gia cuộc thi SIFE Worldcup được tổ chức tại Los Angeles - Hoa Kỳ, là nhà tài trợ chính cho cuộc thi Student Investment Challenge của hội sinh viên Việt nam tại Anh Quốc, cùng các chương trình trong nước như "Thử sức cùng nhà tuyển dụng" dành cho sinh viên tại các trường Đại học tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, "Sắc màu chứng khoán" - Đại học Ngoại Thương Hà Nội và các chương trình khác...

Không chỉ là nơi để khách hàng và đối tác gửi gắm niềm tin, mọi thành viên TLS đều ý thức để trở thành những nhân tố tích cực của xã hội. Nếu như hoạt động kinh doanh hiệu quả là cách TLS góp phần vào sự phát triển của đất nước, thì với những hoạt động xã hội, chúng tôi gửi gắm vào cuộc sống niềm hy vọng, sự sẻ chia và những giá trị nhân văn mà người Việt Nam đã tích lũy từ bao đời.

TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TRONG TƯƠNG LAI

Triển vọng kinh tế và thị trường

Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2011 được kỳ vọng đạt mức 7 – 7,5%. Tuy nhiên, trong nửa đầu năm tình trạng lãi suất được dự báo sẽ tiếp tục cao, sức ép lạm phát gia tăng, đặc biệt khi trợ cấp giá xăng dầu được bãi bỏ sẽ là rào cản lớn đối với các chính sách hỗ trợ tăng trưởng. Mặc dù vậy, chúng ta có thể kỳ vọng vào nửa cuối của năm 2011 với nền kinh tế có thể đạt mức tăng trưởng cao hơn với sự gia tăng mạnh của khu vực công nghiệp, xây dựng và khu vực dịch vụ.

Trong năm 2011, mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vẫn tập trung vào nông sản, hàng thô, hàng gia công có giá trị gia tăng thấp. Hàng có hàm lượng công nghệ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Bên cạnh đó, Việt Nam sẽ phải tiếp tục nhập khẩu nhiều nguyên vật liệu, máy móc và hàng tiêu dùng. Năm 2011, xuất khẩu được dự báo có thể tăng 9 – 12%, nhập khẩu tăng 8 – 9%. Mức tăng trưởng này tuy không lớn so với thời kỳ trước nhưng vẫn là một kết quả rất tích cực.

Lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những tháng đầu năm 2011, do ảnh hưởng của tính chu kỳ và sức ép của một loạt các yếu tố nêu trên vẫn còn ở mức cao. Sau đó, áp lực lạm phát có thể giảm dần khi lãi suất tăng cao vào cuối năm 2010 bắt đầu có tác dụng. Lạm phát cả năm được các nhà kinh tế dự tính khoảng 8% nếu các kỷ luật về chi tiêu và đầu tư công, kiểm soát cung tiền được thực hiện một cách nghiêm túc.

Tiền đồng sẽ tiếp tục chịu áp lực giảm giá do tỷ giá được giao dịch trên thị trường phi chính thức đang cao hơn tỷ giá niêm yết khoảng 9% và thực tế này đã tồn tại trong một thời gian dài. Năm 2011, tiền đồng được dự báo sẽ tiếp tục mất giá khoảng 5 – 7% so với USD.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu kinh tế được dự báo như lượng kiều hối năm 2010 là 8 tỷ USD và sẽ tiếp tục tăng mạnh trong năm 2011. Cung tiền và tín dụng tăng trưởng ở mức trên 20%.

Với những dự báo tương đối khả quan của nền kinh tế, thị trường chứng khoán năm 2011 được kỳ vọng có khả năng phục hồi. Luật chứng khoán sửa đổi giúp nâng cao công tác giám sát và tính minh bạch của thị trường chứng khoán, giảm bớt những đợt điều chỉnh mạnh do làn sóng giải chấp, dòng tiền từ các nhà đầu tư nước ngoài sẽ tiếp tục tăng mạnh vào các doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả. Các chính sách nới lỏng nhằm phát triển thị trường chứng khoán như một nhà đầu tư được mở nhiều tài khoản có thể được áp dụng sẽ phần nào giúp thị trường cân bằng hơn và nhà đầu tư sẽ hạn chế được các rủi ro tiềm ẩn.

Bên cạnh đó, khi các kênh đầu tư khác như vàng đã có mức tăng quá mạnh, thị trường vàng và ngoại tệ tự do bị quản lý chặt chẽ thì cơ hội đầu tư vào chứng khoán sẽ trở nên hấp dẫn hơn. Nếu tính theo chu kỳ năm 2011 sẽ là năm bản lề của thị trường khi thị trường đang từng bước đi vào giai đoạn tích lũy đồng thời hứa hẹn nhiều triển vọng bước vào chu kỳ tăng trưởng mới sau một chu kỳ giảm giá dài hạn. Đó là cơ sở để chúng ta có thể hy vọng về triển vọng thị trường 2011.

Kế hoạch kinh doanh năm 2011

Năm 2010 có thể thấy là một năm thăng trầm của thị trường chứng khoán Việt Nam, mặc dù thị trường chứng khoán không thực sự ủng hộ các thành viên tham gia thị trường nhưng TLS vẫn duy trì tốt đà tăng trưởng, một lần nữa giành được ngôi vị số 1 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX.

Trên những thành công nhất định mà TLS đã đạt được trong năm 2010, Ban điều hành đã đưa ra các kế hoạch cụ thể đối với các hoạt động như sau:

Hoạt động Môi giới

Mục tiêu của TLS là nhà cung cấp dịch vụ môi giới hàng đầu tại thị trường chứng khoán Việt Nam. Đây cũng chính là một trong những thế mạnh vượt trội của TLS so với các công ty chứng khoán khác do đó hoạt động môi giới sẽ tiếp tục được chú trọng phát triển. TLS đã thành công trong việc đưa công ty lọt vào top 10 công ty chứng khoán có tài khoản lớn nhất trên thị trường, năm 2011 mục tiêu của TLS sẽ mở thêm 10.000 tài khoản và nâng tổng số tài khoản quản lý của công ty lên tới 54.000 tài khoản (tăng 10% so với 2010).

Bên cạnh đó, Ban điều hành cũng rất tâm huyết với kế hoạch hành động trọng điểm trong năm 2011 của nghiệp vụ môi giới như sau:

- Dựa trên thế mạnh về thị phần môi giới trong nước, TLS tiếp tục đẩy mạnh để chiếm lĩnh thị phần môi giới nước ngoài trong năm tới.
- Điều chỉnh mô hình tổ chức Khối Môi giới theo hướng chuyên nghiệp hơn để đáp ứng một cách nhanh nhất và tốt nhất cho nhu cầu của khách hàng
- Phát triển và cải tiến mạnh mẽ các sản phẩm điện tử bằng cách luôn đi đầu ứng dụng những công nghệ hiện đại
- Thay đổi toàn diện hình ảnh và chất lượng dịch vụ khách hàng

Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

Với các mảng nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, TLS sẽ tập trung vào các dịch vụ đồng bộ nhằm đem lại giá trị gia tăng cao cho khách hàng cũng như công ty. Năm 2011 công ty sẽ đi sâu vào các sản phẩm bảo lãnh phát hành, tư vấn tái cấu trúc, tư vấn M&A… Việc mở rộng các đối tác cũng không ngừng được triển khai đặc biệt là các tổ chức, tập đoàn lớn có uy tín trên thị trường.

Hoạt động Đầu tư tự doanh

Hoạt động Đầu tư tự doanh của TLS năm 2011 được định hướng giảm dần tỷ trọng đầu tư vào chứng khoán niêm yết và OTC, tăng tỷ lệ đầu tư vào trái phiếu. Để đảm bảo cho danh mục đạt hiệu quả cao, công ty sẽ thực hiện điều chỉnh mô hình tổ chức hoạt động và quản lý đầu tư.

Hoạt động Nguồn vốn

Với mục tiêu đáp ứng kịp thời và đầy đủ nhu cầu vốn kinh doanh trên toàn hệ thống với chi phí vốn thấp nhất, mạng lưới đối tác cung cấp vốn sẽ liên tục được mở rộng và phát triển mạnh mảng nghiệp vụ kinh doanh trái phiếu.

Hoạt động Nghiên cứu

Nghiên cứu là hoạt động chiến lược của TLS, đây cũng chính là hoạt động cốt lõi cung cấp các báo cáo phân tích, tư vấn phục vụ khách hàng song song với việc đáp ứng nhu cầu nghiên cứu của các nghiệp vụ kinh doanh chính. Năm 2011, TLS sẽ tiếp tục đi sâu vào các mảng báo cáo nghiên cứu kinh tế, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu cổ phiếu…

Hoạt động Marketing

Chiến lược của hoạt động marketing trong năm 2011 hướng tới đó là mang lại hình ảnh chuyên nghiệp, thương hiệu uy tín cho TLS. Đặc biệt TLS sẽ xây dựng cho mình một bản sắc văn hóa riêng đặc trưng như là một điểm nổi bật trên bản đồ thị trường chứng khoán. Ngoài ra, công tác truyền thông nội bộ trong năm 2011 cũng là một mục tiêu quan trọng mà hoạt động marketing hướng tới.

Hoạt động Quản trị rủi ro

Ngành tài chính nói chung và chứng khoán nói riêng là một trong những ngành có tính rủi ro cao. Nhận thức rõ các rủi ro TLS phải đối mặt như rủi ro thị trường, tín dụng, thanh khoản, vận hành… công ty đã thành lập một bộ phận quản lý rủi ro nhằm mục đích nhận dạng và phòng ngừa các loại rủi ro có thể xảy ra. Bên cạnh đó, bộ phận kiểm soát nội bộ là đơn vị thường xuyên tham mưu cho ban lãnh đạo những nguy cơ, rủi ro tiềm ẩn thông qua các báo cáo kiểm soát định kỳ tất cả các đơn vị. Hoạt động quản trị rủi ro của công ty sẽ tiếp tục phát huy thế mạnh nhằm hạn chế tối đa các rủi ro TLS có thể phải đối mặt.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh các báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi vào ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007, ngày 28 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có 5 chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Vũng Tàu và Đà Nẵng.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty là 44.570.273 nghìn đồng Việt Nam (năm 2009: 97.323.499 nghìn đồng Việt Nam).

Trong năm 2010, Công ty đã trả tiếp cổ tức 2009 với tỷ lệ 2%, Công ty chưa chi trả cổ tức cho năm 2010 (năm 2009: Công ty chia cổ tức 8%).

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾT TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trương Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Ông Phan Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Lê Đình Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2010
Bà Ngô Thanh Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2010
Ông Mạc Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tạm giao chức vụ ngày 12 tháng 10 năm 2010

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- Lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Ông Lê Văn Bé
Chủ tịch
Hà Nội, Việt Nam
Ngày 11 tháng 2 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo ("các báo cáo tài chính"). Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Chí Cương
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 1103/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 11 tháng 2 năm 2011

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A - TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**5.556.562.378**	**4.181.979.955**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**III.1**	**632.689.173**	**1.019.341.798**
111	1. Tiền		632.689.173	849.341.798
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	170.000.000
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**III.3**	**1.212.383.287**	**1.227.666.550**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.322.172.457	1.291.818.907
129	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn		(109.789.170)	(64.152.357)
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**III.4**	**3.690.154.170**	**1.924.104.680**
131	1. Phải thu của khách hàng	III.4.1	3.517.860.651	1.884.852.723
132	2. Trả trước cho người bán		31.767.712	106.710
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		-	58.818
138	5. Các khoản phải thu khác		157.106.872	39.300.333
139	6. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi		(16.581.065)	(213.904)
140	**IV. Hàng tồn kho**		**109.167**	**118.796**
150	**IV. Tài sản ngắn hạn khác**		**21.226.581**	**10.748.131**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	III.5	8.383.164	8.277.031
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	III.10	11.356.605	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		1.486.812	2.471.100

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B - TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN**		**962.850.478**	**463.542.412**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**-**	**-**
220	**II. Tài sản cố định**	**III.6**	**35.383.987**	**34.359.238**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	III.6.1	28.956.797	22.899.894
222	Nguyên giá		61.441.189	42.825.130
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(32.484.392)	(19.925.236)
227	2. Tài sản cố định vô hình	III.6.2	6.407.126	8.542.894
228	Nguyên giá		13.609.659	12.756.766
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.202.533)	(4.213.872)
	3. Mua sắm tài sản cố định		20.064	2.916.450
240	**III. Bất động sản đầu tư**		**-**	**114.913.980**
241	Nguyên giá		-	114.913.980
242	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**III.7**	**868.767.546**	**269.620.045**
253	1. Đầu tư vào chứng khoán dài hạn	III.7.1	543.596.844	215.025.639
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		542.155.444	215.025.639
	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.441.400	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác	III.7.2	368.625.890	76.235.000
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác		(43.455.188)	(21.640.594)
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**58.698.945**	**44.649.149**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	III.8	38.634.018	36.630.523
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	III.10	8.493.527	-
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	III.9	8.325.426	5.685.436
268	4. Tài sản dài hạn khác		3.245.974	2.333.190
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**6.519.412.856**	**4.645.522.367**

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**5.125.181.578**	**3.670.512.366**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**4.956.929.963**	**3.502.172.647**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	III.11	4.220.855.880	2.615.950.200
312	2. Phải trả người bán		478.322	1.235.962
313	3. Người mua trả tiền trước		1.877.878	972.662
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	III.10	7.661.194	12.413.522
315	5. Phải trả người lao động		4.006.177	1.469.141
316	6. Chi phí phải trả	III.12	90.693.794	44.268.049
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	III.13	583.087.360	782.288.491
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.203.054	39.200.447
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		3.621.121	2.883.608
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.008.545	247.836
328	12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	III.14	42.436.638	1.242.729
329	13. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
330	**II. Nợ dài hạn**		**168.251.615**	**168.339.719**
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	III.15	68.225.000	68.225.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	III.16	100.000.000	100.000.000
336	5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		26.615	114.719
339	6. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư		-	-
400	**B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**III.17**	**1.394.231.278**	**975.010.001**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**		**1.394.231.278**	**975.010.001**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.200.000.000	800.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		121.000.000	121.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỉ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		3.495.383	-
418	8. Các quỹ dự trữ		26.643.873	21.568.279
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		43.092.022	32.441.722
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**6.519.412.856**	**4.645.522.367**

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
001	**1. Tài sản cố định thuê ngoài**	-	-
002	**2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ**	**477.246.400**	**986.980.820**
003	**3. Tài sản nhận ký cược**	-	-
004	**4. Nợ khó đòi đã xử lý**	-	-
005	**5. Ngoại tệ các loại**	-	-
006	**6. Chứng khoán lưu ký**	**6.089.141.460**	**2.254.628.080**
	Trong đó		
007	**6.1. Chứng khoán giao dịch**	**5.561.779.010**	**1.966.359.070**
008	6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	206.489.300	151.276.010
009	6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	5.264.045.370	1.762.031.690
010	6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	91.244.340	53.051.370
011	6.1.4. Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	-	-
012	**6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch**	**446.164.200**	**277.295.960**
013	6.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	55.950.000	-
014	6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	390.164.200	254.993.960
015	6.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	50.000	22.302.000
016	6.2.4. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của tổ chức khác	-	-
017	**6.3. Chứng khoán cầm cố**	**73.421.500**	**1.647.350**
018	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	-	-
019	6.3.2. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	73.421.500	1.647.350
020	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng nước ngoài	-	-
021	6.3.1. Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	-	-
022	**6.4. Chứng khoán tạm giữ**	-	-
027	**6.5. Chứng khoán chờ thanh toán**	-	-
028	6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
029	6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
030	6.5.3. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	-	-
031	6.5.4. Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	-	-
032	**6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút**	-	-
037	**6.7. Chứng khoán chờ giao dịch**	**7.776.750**	**9.325.700**
038	6.7.1. Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký		-
039	6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	7.776.750	8.462.880
040	6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	-	862.820
041	6.7.4. Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	-	-
042	**6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay**	-	-
047	**6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch**	-	-

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
050	**7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết**	-	-
	Trong đó:		
051	**7.1. Chứng khoán giao dịch**	-	-
052	7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
053	7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
056	**7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch**	-	-
057	7.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	-	-
058	7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	-	-
061	**7.3. Chứng khoán cầm cố**	-	-
071	**7.5. Chứng khoán chờ thanh toán**	-	-
072	7.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	-	-
073	7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	-	-
076	**7.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút**	-	-
081	**7.7. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch**	-	-
	8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	226.140.810	109.864.300
	Tổng cộng tài khoản ngoại bảng	6.792.528.670	3.351.473.200

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Người lập

Bà Trương Tú Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 11 tháng 2 năm 2011

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
01	**1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán**		1.311.837.068	676.922.453
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		234.528.470	192.133.063
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	III.18	207.873.398	176.879.929
01.3	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán		4.550.000	5.177.441
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		149.999	80.327
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		6.403.291	4.541.503
01.6	Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.128.720	4.999.094
01.7	Doanh thu hoạt động ủy thác đấu giá		-	-
01.8	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản		120.818	1.209.350
01.9	Doanh thu khác	III.19	855.082.372	291.901.746
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		(4.771.434)	(665.347)
10	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh**		1.307.065.634	676.257.106
11	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	III.20	(1.205.199.183)	(536.008.870)
	Trong đó:			
	Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán		(1.121.380.615)	(499.677.876)
	Chi phí dự phòng chứng khoán		(83.818.568)	(36.330.994)
20	**5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh**		101.866.451	140.248.236
25	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	III.21	(53.220.485)	(31.840.403)
30	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		48.645.966	108.407.833
31	8. Thu nhập khác		-	303
32	9. Chi phí khác		-	-
40	**10. Lợi nhuận khác**		-	303
50	**11. Tổng lợi nhuận trước thuế**		48.645.966	108.408.136
51	**12. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	III.10	(12.569.220)	(11.084.637)
52	**13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**		8.493.527	-
60	**14. Lợi nhuận sau thuế**		44.570.273	97.323.499
90	**14. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (*)**	IV.1	0,536	1,959

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Người lập

Bà Trương Tú Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 11 tháng 2 năm 2011

(*) Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng Việt Nam

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**48.645.966**	**108.408.136**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao TSCĐ	III.6	15.562.789	12.965.499
03	Các khoản dự phòng	III.20	83.818.568	36.330.994
05	(Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư		(909.472.992)	(310.380.466)
06	Chi phí lãi vay		609.533.342	186.750.003
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**(151.912.327)**	**34.074.166**
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(1.675.258.909)	(1.138.567.957)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(64.731.180)	(444.543.479)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(184.676.927)	580.580.031
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.109.628)	(43.230.867)
13	Tiền lãi vay đã trả		(563.736.279)	(177.578.180)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	III.10	(35.164.035)	(966.154)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.077.880	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(6.980.289)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**(2.676.511.405)**	**(1.197.212.729)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(20.658.815)	(14.147.548)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		114.916.095	59.617.089
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.157.870	2.990.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		790.280.284	301.684.125
28	Tiền đầu tư vào chứng khoán dài hạn		(328.571.204)	134.148.293
29	Tiền đầu tư vào các hoạt động đầu tư khác		(262.171.130)	(546.259.972)
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**297.953.100**	**(61.968.013)**

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Công ty CP Chứng khoán Thăng Long
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	III.17	400.000.000	501.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.604.905.680	1.985.950.200
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		-	(400.000.000)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	III.17	(13.000.000)	(52.000.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**1.991.905.680**	**2.034.950.200**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(386.652.625)**	**775.769.458**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**1.019.341.798**	**243.572.340**
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**632.689.173**	**1.019.341.798**

Các thuyết minh đính kèm từ mục I đến IV là một phần của báo cáo tài chính này.

Người lập

Bà Trương Tú Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 11 tháng 2 năm 2011

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Hoạt động

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 5 tháng 6 năm 2000 và được sửa đổi ngày 20 tháng 12 năm 2006, và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 05/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("SSC") cấp ngày 11 tháng 5 năm 2000 và được sửa đổi vào ngày 1 tháng 9 năm 2003, ngày 1 tháng 10 năm 2007 và ngày 28 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán và cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 6, Tòa nhà Toserco, 273 Kim Mã, Hà Nội. Công ty cũng đồng thời có 5 chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Thanh Hóa, Vũng Tàu và Đà Nẵng.

Vốn Điều lệ

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp vào ngày 5 tháng 6 năm 2000 là 9.000.000 nghìn đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của Công ty đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép kinh doanh điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, vốn điều lệ của Công ty là 1.200.000.000 nghìn đồng Việt Nam được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Quyết định số 373/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2010 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009: vốn điều lệ của Công ty là 800.000.000 nghìn đồng Việt Nam).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm 2010 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trương Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Ông Phan Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Lê Đình Ngọc	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Trịnh Khắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2008
Ông Quách Mạnh Hào	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 04 năm 2010
Bà Ngô Thanh Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 05 năm 2010
Ông Mạc Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	Tạm giao chức vụ ngày 12 tháng 10 năm 2010

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Bà Lê Thu Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bà Đoàn Thị Như Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2009
Bà Đoàn Mỹ Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2010

NHÂN VIÊN

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 577 người (năm 2009: 310 người).

II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng nghìn đồng Việt Nam ("nghìn đồng" hoặc "VNĐ'000") phù hợp với chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính (thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 6 năm 2000 của Bộ Tài chính) và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra các báo cáo tài chính này không nhằm trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là sổ nhật ký chung.

3. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

4.Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm 2010, Công ty thực hiện áp dụng Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp, theo đó, các thay đổi sau đã được thực hiện trong chính sách kế toán áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2010:

Đối với các khoản cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng, không ghi nhận doanh thu theo mệnh giá mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu;

Phân loại lại Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi từ Nguồn vốn chủ sở hữu sang Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi trên Nợ phải trả.

Ngoài ra, trong năm Công ty cũng thực hiện áp dụng Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2010.

Ngoài việc phân loại lại Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi, các số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và năm tài chính kết thúc cùng ngày không bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến việc áp dụng các chính sách kế toán nêu trên do Thông tư 244/2009/TT-BTC và Thông tư 203/2009/TT-BTC không yêu cầu áp dụng hồi tố.

Trình bày lại số đầu kì

	31/12/2009 Số đã báo cáo nghìn đồng	*Điều chỉnh nghìn đồng*	*31/12/2009 Số trình bày lại nghìn đồng*
Nợ ngắn hạn	3.501.924.811	247.836	3.502.172.647
Các quỹ	975.257.837	(247.836)	975.010.001
Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		-	

5.Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

6.Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào "Chi phí hoạt động" trong kỳ.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

7.Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

8.Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, thời gian như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 6 năm
Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 4 năm
Tài sản khác	3 năm

9. Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

10.Đầu tư vào chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán thương mại

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Lãi dự thu nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các chứng khoán này được xem xét khả năng giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chứng khoán thương mại được lập dự phòng khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục *"Chi phí hoạt động kinh doanh"*.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác dưới 20% quyền biểu quyết. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định là trên cơ sở giá khớp lệnh (giá bình quân đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) và cũng chưa được giao dịch phổ biến trên thị trường, dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của doanh nghiệp so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

11.Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản và được phân bổ vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu, hoặc khoản phải trả và được phân bổ vào doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13.Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

15.Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

16.Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế hoặc thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệnh tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệnh tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

17.Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư 11/2000/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	*Mức trích lập tối đa*
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

18.Lợi ích nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu: Trợ cấp hưu trí cho các nhân viên của Công ty sau khi nghỉ hưu do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam chi trả. Theo quy định, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, hàng tháng Công ty sẽ đóng góp vào quỹ lương hưu cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo mức 16% trên mức lương cơ bản của nhân viên (trước 01 tháng 01 năm 2010 là 15%). Ngoài ra, Công ty không có nghĩa vụ nào khác liên quan đến trợ cấp hưu trí.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 2 tháng 4 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Mức lương bình quân tháng được sử dụng để chi trả trợ cấp thôi việc là mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến ngày nghỉ việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cơ bản và phụ cấp nếu có theo bậc lương hiện hưởng cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong Điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 7 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, hàng năm Công ty phải trích quỹ trợ cấp mất việc làm với mức từ 1,00% đến 3,00% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội.

Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: theo Luật Bảo hiểm Xã hội và Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12/12/2008 của Chính phủ thì Quỹ bảo hiểm thất nghiệp sẽ được áp dụng từ 01/01/2009 thì người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

19.Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận cho giai đoạn tài chính được phân phối theo quyết định của Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long và theo các quy định hiện hành.

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Tiền mặt	248.107	351.758
Tiền gửi ngân hàng		
Trong đó :	628.143.743	846.056.507
Tiền gửi ngân hàng của công ty	45.194.193	63.768.016
Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	582.949.550	782.288.491
Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành	4.297.323	2.933.533
Các khoản tương đương tiền	-	170.000.000
	632.689.173	**1.019.341.798**

1.1 Tiền gửi ngân hàng của công ty

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Ngân hàng TMCP Quân đội	36.902.456	59.908.287
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.962.802	3.715.774
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	62.466	52.984
Ngân hàng TMCP An Bình	17.345	16.758
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	60.957	60.205
Các ngân hàng khác	188.167	14.008
	45.194.193	**63.768.016**

1.2 Tiền gửi ngân hàng của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Ngân hàng TMCP Quân đội	534.638.605	714.206.443
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	25.723.455	66.491.576
Ngân hàng Công thương Việt Nam	22.584.490	1.461.980
Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	3.000	128.492
	582.949.550	**782.288.491**

2 Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ nghìn đồng
1. Của Công ty	**124.841.190**	**6.739.330.568**
Cổ phiếu	90.141.190	3.135.163.434
Trái phiếu	34.700.000	3.604.167.134
Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	-	-
2. Của nhà đầu tư	**4.088.926.069**	**131.255.035.692**
Cổ phiếu	4.063.020.169	130.153.181.687
-Trái phiếu	9.000.000	949.824.750
Chứng khoán khác (chứng chỉ quỹ đầu tư)	16.905.900	152.029.255
	4.213.767.259	**137.994.366.260**

3 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Chứng khoán thương mại	687.766.115	623.034.935
Đầu tư ngắn hạn khác	634.406.342	668.783.972
	1.322.172.457	1.291.818.907
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại	(106.742.251)	(64.152.357)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn khác	(3.046.919)	-
	1.212.383.287	**1.227.666.550**

3.1 Chứng khoán thương mại

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	687.765.995	519.558.215
Trái phiếu	-	103.476.600
Chứng chỉ quỹ	120	120
	687.766.115	**623.034.935**
Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại		
Cổ phiếu niêm yết	(106.742.251)	(64.152.357)
	581.023.864	**558.882.578**

Dự phòng giảm giá cho cổ phiếu niêm yết được trích lập khi cổ phiếu có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

3.2 Đầu tư ngắn hạn khác

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Đầu tư ngắn hạn của Công ty		
1. Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long	298.834.799	239.147.900
2. Cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long	11.158.000	11.158.000
3. Các hợp đồng ba bên hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư	58.601.193	399.478.072
4. Cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân	17.307.550	-
5. Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 9	1.000.000	-
6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh thu lợi tức cố định với cá nhân	60.000.000	-
7. Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư và Phát triển HBID	146.600.000	-
8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty CP ĐTPT&TM Dịch vụ Vĩnh Lộc	-	19.000.000
Đầu tư ngắn hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán		
Cổ phiếu mua ủy thác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 9	40.904.800	-
	634.406.342	**668.783.972**
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn của Công ty		
Dự phòng giảm giá cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với cá nhân	(3.046.919)	-
	631.359.423	**668.783.972**

Chi tiết một số khoản đầu tư trọng yếu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

(1): Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI) là các hợp đồng đầu tư mà theo đó Công ty sẽ thu lợi tức cố định từ 10,7% – 15%/năm.

(3): Các hợp đồng ba bên hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư là các hợp đồng hợp tác mà theo đó Công ty cấp vốn cho Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI) để thực hiện các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán với nhà đầu tư theo thỏa thuận giữa TLI và nhà đầu tư. Công ty hưởng phí cố định trên các hợp đồng hợp tác này.

(4): Cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân là danh mục cổ phiếu mà Công ty chịu toàn bộ rủi ro. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, danh mục cổ phiếu có dấu hiệu giảm giá và Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng đầy đủ và thống nhất với chính sách kế toán về trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán (Xem thuyết minh II.10).

(6): Hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân là hợp đồng mà theo đó Công ty sẽ thu lợi tức cố định là 12,5%/năm, hợp đồng này đã thanh lý trong tháng 1 năm 2011.

(7): Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư và Phát triển HBID là hợp đồng đầu tư mà theo đó Công ty sẽ thu lợi tức cố định là 19,3%/năm.

4 Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số đầu năm			Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	**1.884.852.723**	-	**156.904**	**49.429.352.266**	**(49.848.750.405)**	**3.517.860.651**	-	**16.065.551**	**(16.065.551)**
Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (1)	889.535.605	-	156.904	46.184.683.230	(44.660.645.552)	2.413.573.283	-	13.921.885	(13.921.885)
Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (2)	924.564.756	-	-	2.052.406.067	(1.883.313.198)	1.093.657.625	-	2.086.666	(2.086.666)
Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư (3)	66.052.795	-	-	3.236.397.180	(3.295.514.453)	6.935.522	-	-	-
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp	264.000	-	57.000	6.298.310	(4.754.760)	1.807.550	-	57.000	(57.000)
Phải thu phí môi giới chứng khoán	3.517.700	-	-	1.872.546	(3.517.700)	1.872.546	-	-	-
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ khác	917.867	-	-	101.000	(1.004.742)	14.125	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	**106.710**	-	-	**38.233.890**	**(6.572.888)**	**31.767.712**	-	-	-
Ứng trước tiền thuê văn phòng cho Công ty CP ĐT Tài chính Thăng Long	-	-	-	30.000.000	-	30.000.000	-	-	-
Trả trước hợp đồng mua máy tính với CTCP Tin học – Thương mại Giang Nam	-	-	-	298.535	-	298.535	-	-	-
Trả trước hợp đồng mua bán với Công ty TNHH BNN	-	-	-	482.625	-	482.625	-	-	-
Ứng trước theo hợp đồng với Công ty CP Thiết kế Quảng cáo và Xây dựng Sức trẻ	-	-	-	203.853	-	203.853	-	-	-
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	106.710	-	-	7.248.877	(6.572.888)	782.699	-	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	**58.818**	-	-	-	**(58.818)**	-	-	-	-
Phải thu của tổ chức bảo lãnh, phát hành chứng khoán	58.818	-	-	-	(58.818)	-	-	-	-
5. Các khoản phải thu khác	**39.300.333**	-	-	**652.855.905**	**(535.049.366)**	**157.106.872**	-	**515.514**	**(515.514)**
Lãi dự thu	35.429.279	-	-	647.017.268	(531.693.896)	150.752.651	-	-	-
Phải thu trung tâm tiền bán cổ phiếu sửa lỗi	2.409.505	-	-	-	(2.409.505)	-	-	-	-
Phải thu về cổ tức	945.965	-	-	4.815.301	(945.965)	4.815.301	-	-	-
Phải thu Hợp đồng hỗ trợ thanh toán cho nhà đầu tư mất khả năng chi trả chờ xử lý	-	-	-	515.514	-	515.514	-	515.514	515.514
Phải thu khác	515.584	-	-	507.822	-	1.023.406	-	-	-
	1.924.318.584	-	**213.904**	**52.172.848.128**	**(50.390.431.477)**	**3.706.735.235**	-	**16.581.065**	**(16.581.065)**

4.1 Phải thu khách hàng

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Phải thu từ các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư (1)	2.413.573.283	889.535.605
Phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán (2)	1.093.657.625	924.564.756
Phải thu các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho người đầu tư (3)	6.935.522	66.052.795
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp	1.807.550	264.000
Phải thu phí môi giới chứng khoán	1.872.546	3.517.700
Phải thu khách hàng sử dụng dịch vụ khác	14.125	917.867
	3.517.860.651	**1.884.852.723**

(1): Đây là các khoản phải thu theo các hợp đồng hỗ trợ nhà đầu tư đấu giá mua cổ phần, hỗ trợ thanh toán, hỗ trợ mua cổ phiếu. Các hợp đồng này được đảm bảo bằng danh mục chứng khoán được hỗ trợ tài chính hoặc tài sản ròng của nhà đầu tư và có thời hạn hiệu lực từ 2 ngày đến 6 tháng và có mức lãi suất từ 1,67%/tháng đến 2,0%/tháng (năm 2009 từ 1,025%/ tháng đến 3,0%/ tháng). Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng, danh mục chứng khoán được hỗ trợ được chuyển quyền sở hữu sang Công ty hoặc do Công ty quản lý.

(2): Khoản phải thu theo các cam kết mua và bán lại chứng khoán có thời hạn hiệu lực từ 1 tháng đến 1 năm và có mức lãi suất từ 1,2%/tháng đến 1,65%/tháng (năm 2009 từ 1%/tháng đến 2%/tháng). Các khoản phải thu này được thể hiện theo giá mua trên hợp đồng. Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, danh mục chứng khoán mua được chuyển quyền sở hữu sang Công ty.

(3): Khoản ứng trước tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư là khoản tiền Công ty tạm thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày nhận được thông báo khớp lệnh bán chứng khoán (theo quy định, nhà đầu tư sẽ nhận được tiền bán chứng khoán vào ngày thứ ba kể từ ngày giao dịch khớp lệnh thành công trên các Trung tâm Giao dịch). Khoản tiền ứng trước cho nhà đầu tư trong thời gian Trung tâm Giao dịch Chứng khoán bù trừ tiền sẽ chịu mức phí là từ 0,1% đến 0,12%/ngày tính trên số tiền ứng trước (năm 2009: từ 0,2% đến 0,3%/ngày).

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi cho các thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư và các cam kết mua và bán lại chứng khoán đến hạn nhưng khách hàng không thanh toán hoặc không thực hiện đúng cam kết.

5 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Chi phí trả trước tiền thuê nhà	2.161.454	4.501.691
Chi phí trả trước CCDC chờ phân bổ	3.108.069	1.671.028
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	2.338.601	1.065.919
Chi phí đồng phục nhân viên chờ phân bổ	285.667	42.516
Chi phí trả trước khác	489.373	995.877
	8.383.164	**8.277.031**

6 Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc nghìn đồng	Máy móc, thiết bị nghìn đồng	Phương tiện vận tải nghìn đồng	Thiết bị văn phòng nghìn đồng	Tổng cộng nghìn đồng
Nguyên giá:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	3.295.494	32.978.762	6.370.652	180.222	42.825.130
Mua trong năm	236.960	15.425.868	3.567.401	561.308	19.791.537
Thanh lý	-	(2.115)	-	-	(2.115)
Điều chỉnh khác	-	(1.081.233)	-	(92.130)	(1.173.363)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	3.532.454	47.321.282	9.938.053	649.400	61.441.189
Khấu hao lũy kế:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	1.252.479	17.360.622	1.228.159	83.976	19.925.236
Khấu hao trong năm	567.578	10.405.395	1.440.272	156.088	12.569.333
Thanh lý	-	(2.115)	-	-	(2.115)
Điều chỉnh khác	-	(8.062)	-	-	(8.062)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.820.057	27.755.840	2.668.431	240.064	32.484.392
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	2.043.015	15.618.140	5.142.493	96.246	22.899.894
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	1.712.397	19.565.442	7.269.622	409.336	28.956.797

6.2 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính nghìn đồng	Tài sản cố định vô hình khác nghìn đồng	Tổng cộng nghìn đồng
Nguyên giá:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	12.742.381	14.385	12.756.766
Mua trong năm	867.278	-	867.278
Điều chỉnh khác	-	(14.385)	(14.385)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	13.609.659	-	13.609.659
Khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	4.213.872	-	4.213.872
Khấu hao trong năm	2.988.661	4.795	2.993.456
Điều chỉnh khác	-	(4.795)	(4.795)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	7.202.533	-	7.202.533
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	8.528.509	14.385	8.542.894
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	6.407.126	-	6.407.126

7 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Chứng khoán đầu tư dài hạn	543.596.844	215.025.639
Đầu tư dài hạn khác	368.625.890	76.235.000
	912.222.734	**291.260.639**
Dự phòng giảm giá đầu tư CK dài hạn	(27.083.228)	(21.640.594)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	(16.371.960)	-
	868.767.546	**269.620.045**

7.1 Đầu tư chứng khoán dài hạn

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Cổ phiếu chưa niêm yết	267.630.444	169.500.639
Chứng chỉ quỹ	74.525.000	45.525.000
Trái phiếu	200.000.000	-
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	1.441.400	-
	543.596.844	**215.025.639**
Dự phòng giảm giá CK sẵn sàng để bán		
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	(10.695.728)	(12.148.594)
Chứng chỉ quỹ (**)	(16.387.500)	(9.492.000)
	(27.083.228)	**(21.640.594)**

(*): Đối với các cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty thực hiện phân loại và xác định giá thị trường tham khảo làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá của chứng khoán chưa niêm yết như sau:

Cổ phiếu chưa niêm yết	*Giá gốc nghìn đồng*	*Giá trị thị trường tham khảo nghìn đồng*	*Dự phòng giảm giá nghìn đồng*
Các cổ phiếu có giá trị thị trường tham khảo nhỏ hơn giá trị ghi sổ (i)	84.540.728	73.845.000	(10.695.728)
Các cổ phiếu có giá trị thị trường tham khảo lớn hơn giá trị ghi sổ	83.899.716	99.343.358	-
Các cổ phiếu khác (ii)	99.190.000	N/A	N/A
	267.630.444	**N/A**	**N/A**

N/A: Thông tin không sẵn có

(i) Giá trị thị trường tham khảo của các cổ phiếu chưa niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo bình quân cho các cổ phiếu có từ 3 báo giá trở lên trong số các báo giá công khai của các công ty chứng khoán có quy mô lớn, uy tín trên thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.
Công ty đã thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá chứng khoán đối với chứng khoán chưa niêm yết có từ 3 báo giá trở lên trong số các báo giá của các công ty chứng khoán và có giá trị thị trường tham khảo nhỏ hơn giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

(ii) Công ty thể hiện các chứng khoán này theo giá gốc do không có thông tin tham chiếu về giá trị hợp lý trên thị trường để xác định mức độ giảm giá nếu có; ngoài ra Công ty cũng không thể xác định giá trị hợp lý của các chứng khoán này theo các mô hình định giá khác do thiếu thông tin.

(**): Đối với chứng chỉ quỹ, Công ty thực hiện trích lập dựa trên số liệu NAV ("Tài sản ròng" hay "Vốn chủ sở hữu") được thông báo bởi các quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Chi tiết như sau:

	Giá gốc nghìn đồng	*Giá trị ròng nghìn đồng*	*Dự phòng giảm giá nghìn đồng*
Chứng chỉ quỹ Hanoi Fund	15.225.000	11.470.500	(3.754.500)
Chứng chỉ quỹ Tiger Fund	30.300.000	17.667.000	(12.633.000)
Chứng chỉ quỹ MB Capital 1	29.000.000	29.739.500	-
	74.525.000	**58.877.000**	**(16.387.500)**

7.2 Đầu tư dài hạn khác

		Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Đầu tư dài hạn của Công ty			
1.	Ủy thác đầu tư cho Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB	296.548.760	-
2.	Đầu tư vốn góp dài hạn	852.130	5.010.000
3.	Ủy thác đầu tư góp vốn vào Đất Việt Land	3.000.000	3.000.000
Đầu tư dài hạn của các đối tác theo HĐ thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán			
4.	Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Sài Gòn A2 (SFA2)	53.000.000	53.000.000
5.	Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội	15.225.000	15.225.000
		368.625.890	**76.235.000**
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn của Công ty			
Dự phòng giảm giá danh mục ủy thác đầu tư cho Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB		(16.371.960)	-
		352.253.930	**76.235.000**

(1): Đây là giá vốn của danh mục cổ phiếu đầu tư của Công ty theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư với Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB mà Công ty chịu toàn bộ rủi ro. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, danh mục cổ phiếu có dấu hiệu giảm giá và Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng đầy đủ và thống nhất với chính sách kế toán đề ra về trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán (Xem thuyết minh II.10).

(2): Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên đơn vị	*Mệnh giá nghìn đồng*	*Giá trị ghi sổ nghìn đồng*	*Tỷ lệ sở hữu của công ty*
Công ty CP Địa ốc MB	852.130	852.130	0,15%
	852.130	**852.130**	

(3): Ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty CP Địa ốc Đất Việt là khoản đầu tư góp vốn mà Công ty ủy thác thông qua Ngân hàng TMCP Quân đội là đại diện của các nhà đầu tư.

(4): Chứng chỉ quỹ đầu tư Sài Gòn A2 (SFA2) là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư với đại diện các nhà đầu tư ủy thác cá nhân, trong đó Công ty hưởng thu nhập cố định 0,2%/năm trên tổng số tiền ủy thác thực tế.

(5): Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán Hà Nội là danh mục chứng khoán mà Công ty đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Ngân hàng TMCP Quân đội.

8 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Chi phí lắp đặt, sửa chữa trả trước dài hạn	-	1.385.175
Chi phí thuê nhà trả trước dài hạn	37.645.348	35.215.669
Chi phí thành lập chi nhánh Đà Nẵng	988.670	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	29.679
	38.634.018	**36.630.523**

9 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,008% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Năm 2010 nghìn đồng	Năm 2009 nghìn đồng
Số dư đầu kỳ	5.685.436	3.587.866
Tăng trong kỳ	2.639.990	2.097.570
Số dư cuối kỳ	**8.325.426**	**5.685.436**

10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Đơn vị: nghìn đồng Việt Nam

	Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Điều chỉnh thuế những năm trước	Số cuối năm
I	**Thuế**	**10**	**12.411.297**	**93.376.446**	**(109.621.797)**	**24.379**	**(3.809.675)**
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	11	360.940	1.883.799	(1.890.280)	18.160	372.619
2	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	12	-	-	-	-	-
3	Thuế nhập khẩu	13	-	-	-	-	-
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	14	11.231.991	12.569.220	(35.164.035)	6.219	(11.356.605)
5	Thuế nhà đất	15	-	-	-	-	-
6	Tiền thuê đất	16	-	-	-	-	-
7	Các loại thuế khác	17	818.366	78.923.427	(72.567.482)	-	7.174.311
	Thuế thu nhập cá nhân		*818.366*	*78.923.427*	*(72.567.482)*	-	*7.174.311*
	Thuế môn bài		-	-	-	-	-
	Thuế khác		-	-	-	-	-
II	**Các khoản phải nộp khác**	**18**	**2.225**	**673.338**	**(561.299)**	**-**	**114.264**
1	Các khoản phí, lệ phí	19	-	-	-	-	-
2	Các khoản phải nộp khác	20	2.225	673.338	(561.299)	-	114.264
			12.413.522	**94.049.784**	**(110.183.096)**	**24.379**	**(3.695.411)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2004 và Công văn số 3354/TC-CST ngày 24 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm 2001 và 2002 (Năm 2001 là năm đầu tiên Công ty có lãi) Công ty phải nộp thuế TNDN theo thuế suất 10% từ năm 2003 đến 2005, thuế suất 20% trong các năm từ 2006 đến 2010, và thuế suất 25% cho các năm tiếp theo.

	Năm 2010 nghìn đồng	*Năm 2009 nghìn đồng*
Tổng lợi nhuận trước thuế	**48.645.966**	**108.408.136**
Trừ:		
Thu nhập cổ tức không chịu thuế	(32.677.028)	(10.008.386)
Cộng:		
Chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	33.974.107	-
Chi phí không hợp lệ	9.529.190	3.254.402
Thu nhập/(lỗ) tính thuế TNDN trước chuyển lỗ	**59.472.235**	**101.654.152**
Chuyển lỗ tính thuế TNDN từ năm trước	-	(22.673.634)
Thu nhập/(lỗ) tính thuế TNDN	**59.472.235**	**78.980.518**
Trong đó:		
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất chịu thuế TNDN mức 25%	13.495.455	248.773
Thu nhập chịu thuế TNDN mức 20%	45.976.780	78.731.745
Chi phí thuế TNDN của Công ty		
Thuế TNDN từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo thuế suất áp dụng là 25%	3.373.864	62.193
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng là 20%	9.195.356	15.746.349
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo TT03/2009/TT-BTC	-	(4.723.905)
Tổng chi phí thuế TNDN trong kỳ	**12.569.220**	**11.084.637**
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	11.231.991	903.961
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(35.164.035)	(966.154)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Quyết toán thuế những năm trước	6.219	209.547
Thuế TNDN (trả trước)/phải trả cuối kỳ	**(11.356.605)**	**11.231.991**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Trong năm 2010, Công ty ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại với tổng số tiền là 8.493.527 nghìn đồng cho phần chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính bằng phần chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết trích lập trong kỳ nhân với thuế suất thu nhập doanh nghiệp của Công ty trong năm 2011 là 25%.

11 *Vay và nợ ngắn hạn*

	Số cuối năm nghìn đồng	*Số đầu năm nghìn đồng*
Vay và nợ ngắn hạn	3.320.855.880	1.403.950.200
Vay ngắn hạn ngân hàng	*2.416.000.000*	*502.000.000*
Nợ ngắn hạn các đối tượng khác	*904.855.880*	*901.950.200*
Phát hành kỳ phiếu ngắn hạn	900.000.000	1.212.000.000
	4.220.855.880	**2.615.950.200**

11.1 *Vay và nợ ngắn hạn*

	Số cuối năm nghìn đồng	*Số đầu năm nghìn đồng*
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)		
Ngân hàng TMCP Quân Đội	132.000.000	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	739.000.000	72.000.000
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	150.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	735.000.000	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	160.000.000	160.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	500.000.000	-
Ngân hàng Bắc Á	-	170.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP HCM	-	100.000.000
Nợ ngắn hạn các đối tượng khác (**)		
Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI)	67.968.000	-
Công ty Tài chính CP Handico	549.000.000	490.000.000
Công ty CP Đầu tư Tài chính Bảo hiểm Dầu khí (PVIF)	6.000.000	70.000.200
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	20.000.000	15.000.000
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng An Bình	20.000.000	-
Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	6.600.000	-
Công ty Tài chính Điện lực	-	85.000.000
Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB	-	10.000.000
Công ty CP Tài chính Sông Đà	-	30.000.000
Công ty CP Tài chính & Phát triển Doanh nghiệp	-	24.000.000
Công ty Hà Đô	-	20.000.000
Công ty Cao su Phước Hòa	-	19.000.000
Các cá nhân	235.287.880	138.950.000
	3.320.855.880	**1.403.950.200**

(*): Vay ngắn hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 9 ngày tới 365 ngày và chịu lãi suất từ 12% tới 22,50%/năm (Năm 2009 các khoản vay này có thời hạn từ 11 ngày tới 275 ngày và chịu lãi suất từ 10,2% đến 25,1%/năm).

(**): Nợ ngắn hạn các đối tượng khác là các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới mua chứng khoán. Theo đó, Công ty nhận tiền đặt cọc của các tổ chức và cá nhân để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của các tổ chức, cá nhân này. Trong trường hợp Công ty không tìm mua được chứng khoán trong thời gian hiệu lực của hợp đồng sẽ phải trả cho các tổ chức và cá nhân này một khoản lãi suất trên tổng số tiền đặt cọc từ 14% đến 19%/năm (Năm 2009: từ 8,8% đến 20,1%/năm).

11.2 Phát hành kỳ phiếu ngắn hạn:

Chi tiết phát hành kỳ phiếu ngắn hạn của Công ty trong năm 2010 như sau:

Ngày bắt đầu	Mệnh giá (nghìn đồng)	Số lượng	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (%/năm)	Tổng giá trị (nghìn đồng)
30-09-2010	100	3.000.000	3	11,70%	300.000.000
11-10-2010	100	2.000.000	3	11,70%	200.000.000
23-12-2010	100	4.000.000	2	13,50%	400.000.000
					900.000.000

12 Chi phí phải trả

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Lãi dự chi cho các khoản vay và nợ ngắn hạn, phát hành trái phiếu và kỳ phiếu	83.385.931	37.588.867
Chi phí phải trả cho các dịch vụ đã nhận	7.307.863	6.679.182
Phải trả Trung tâm Giao dịch Chứng khoán	3.894.312	2.774.849
Phải trả phí hoa hồng cộng tác viên môi giới	3.043.698	3.025.225
Phải trả cho các dịch vụ khác	369.853	879.108
	90.693.794	44.268.049

13 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoáncủa nhà đầu tư	582.949.550	782.288.491
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	137.810	-
	583.087.360	782.288.491

14 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm nghìn đồng	Số đầu năm nghìn đồng
Phải trả nguồn vốn ủy thác theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán với Công ty CP Đầu tư Xây dựng số 9 (Xem thuyết minh 3.2)	40.904.800	-
Phải trả kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp	701.120	409.132
Phải trả khách hàng về sửa lỗi giao dịch chứng khoán	201.490	-
Phải trả, phải nộp khác	629.228	833.597
	42.436.638	1.242.729

15 Phải trả dài hạn khác

Phải trả, phải nộp dài hạn khác là khoản phải trả theo các hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh chứng khoán dài hạn của các đối tác (Xem mục 4 và mục 5 thuyết minh 7.2).

16 Vay và nợ dài hạn

Vay và nợ dài hạn bao gồm trái phiếu phát hành dài hạn của Công ty cho đối tác có thời hạn 24 tháng và chịu lãi suất 11%/năm, trả lãi một lần khi đáo hạn.

17 Vốn chủ sở hữu

17.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần nghìn đồng	Thặng dư vốn cổ phần nghìn đồng	Quỹ đầu tư phát triển nghìn đồng	Các quỹ dự trữ nghìn đồng	Lợi nhuận chưa phân phối nghìn đồng	Tổng cộng nghìn đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	**420.000.000**	**-**	**988.985**	**17.814.755**	**438.509**	**439.242.249**
Vốn cổ phần phát hành	380.000.000	121.000.000	-	-	-	501.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại năm 2008 theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2009	-	-	37.316	37.316	(74.632)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2008 theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2009	-	-	-	-	(59.706)	(59.706)
Lợi nhuận thuần sau thuế 2009	-	-	-	-	97.323.499	97.323.499
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận để lại năm 2009 theo luật định	-	-	-	8.496.401	(8.496.401)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi sáu tháng đầu năm 2009 theo Quyết định của HĐQT	-	-	-	-	(4.480.000)	(4.480.000)
Chi trả cổ tức trong năm theo tỉ lệ 8%	-	-	-	-	(52.000.000)	(52.000.000)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	(1.026.301)	(4.780.193)	-	(5.806.494)
Điều chỉnh thuế những năm trước	-	-	-	-	(209.547)	(209.547)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	**800.000.000**	**121.000.000**	**-**	**21.568.279**	**32.441.722**	**975.010.001**
Vốn cổ phần phát hành	400.000.000	-	-	-	-	400.000.000
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận để lại năm 2009 theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2010	-	-	3.503.646	1.235.948	(4.739.594)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận để lại năm 2009 theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2010	-	-	-	-	(8.658.673)	(8.658.673)
Lợi nhuận thuần sau thuế 2010	-	-	-	-	44.570.273	44.570.273
Tạm trích các quỹ dự trữ năm 2010 theo luật định	-	-	-	3.997.327	(3.997.327)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2010 theo Quyết định của HĐQT	-	-	-	-	(3.500.000)	(3.500.000)
Chi cổ tức năm 2009 theo tỷ lệ 2%	-	-	-	-	(13.000.000)	(13.000.000)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	(8.263)	(157.681)	-	(165.944)
Điều chỉnh thuế những năm trước	-	-	-	-	(24.379)	(24.379)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	**1.200.000.000**	**121.000.000**	**3.495.383**	**26.643.873**	**43.092.022**	**1.394.231.278**

17.2 Cổ phiếu phổ thông

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành của Công ty là 120.000.000 (năm 2009: 80.000.000). Trong năm 2010, Công ty không phát hành cổ phiếu ưu đãi hoặc cổ phiếu có thể chuyển đổi.

17.3 Các quỹ

	Số đầu năm nghìn đồng	*Tăng trong năm nghìn đồng*	*Giảm trong năm nghìn đồng*	*Số cuối năm nghìn đồng*
Quỹ đầu tư phát triển	-	3.503.646	(8.263)	3.495.383
Các quỹ dự trữ	21.568.279	5.233.275	(157.681)	26.643.873
Dự trữ pháp định	*6.520.541*	-	-	*6.520.541*
Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	*10.787.400*	*2.616.638*	-	*13.404.038*
Dự trữ dự phòng tài chính	*4.260.338*	*2.616.637*	*(157.681)*	*6.719.294*
	21.568.279	**8.736.921**	**(165.944)**	**30.139.256**

18 Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn

	Năm 2010 nghìn đồng	*Năm 2009 nghìn đồng*
Cổ tức	32.677.028	10.008.386
Trái tức	21.713.592	8.470.334
Lãi bán cổ phiếu, trái phiếu	153.482.778	158.401.209
	207.873.398	**176.879.929**

19 Doanh thu khác

	Năm 2010 nghìn đồng	*Năm 2009 nghìn đồng*
Doanh thu về vốn kinh doanh	**726.620.322**	**230.507.937**
Thu lãi tiền gửi	41.174.841	30.787.380
Thu phí ứng trước tiền bán chứng khoán	10.642.477	20.594.876
Thu lãi từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán và thỏa thuận hỗ trợ tài chính cho khách hàng	632.100.274	147.028.721
Thu lãi từ hợp đồng ủy thác đầu tư thu lợi tức cố định và các hợp đồng hợp tác hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư ba bên với Công ty CP Đầu tư Tài chính Thăng Long (TLI)	42.702.730	32.096.960
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	**128.462.050**	**61.393.809**
Thu tiền bán bất động sản đầu tư	128.409.435	60.502.373
Thu khác	52.615	891.436
	855.082.372	**291.901.746**

20 Chi phí hoạt động kinh doanh

	Năm 2010 nghìn đồng	*Năm 2009 nghìn đồng*
Chi phí môi giới chứng khoán	46.960.028	40.771.996
Chi phí hoạt động tự doanh	156.384.909	111.601.264
Chi phí tư vấn cổ phần hóa	17.918	248.992
Chi phí lưu ký chứng khoán	344.611	1.013.393
Chi phí bảo lãnh phát hành CK	600.000	-
Chi phí dự phòng	83.818.568	36.330.994
Chi phí về vốn kinh doanh	609.517.642	186.750.003
Giá vốn bất động sản đầu tư	114.913.980	60.253.600
Chi phí hoa hồng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân, chi hoa hồng cộng tác viên môi giới	49.384.676	26.909.893
Chi phí cho thuê sử dụng tài sản	83.347	-
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh CK:		
Chi phí nhân viên	*77.785.966*	*42.899.503*
Chi phí khấu hao TSCĐ	*5.565.604*	*4.218.625*
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	*8.821.475*	*2.577.140*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	*31.905.287*	*15.908.540*
Chi phí marketing, quảng cáo	*6.283.972*	*2.285.741*
Chi phí đào tạo	*357.826*	*647.561*
Chi phí bằng tiền khác	*12.453.374*	*3.591.625*
	1.205.199.183	**536.008.870**

21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2010 nghìn đồng	*Năm 2009 nghìn đồng*
Chi phí nhân viên	24.158.806	13.643.362
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	1.161.794	514.276
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.997.185	8.746.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.564.585	5.441.284
Thuế, phí và lệ phí	125.936	47.089
Chi phí khác bằng tiền	8.212.179	3.447.518
	53.220.485	**31.840.403**

IV. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1 *Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lãi sau thuế của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 83.178.082 đơn vị với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/1 cổ phiếu (năm 2009: 49.671.233 đơn vị với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/1 cổ phiếu).

	Năm 2010	*Năm 2009*
Lợi nhuận sau thuế (nghìn đồng)	44.570.273	97.323.499
Số cổ phiếu lưu hành bình quân (cổ phiếu)	83.178.082	49.671.233
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (nghìn đồng)	**0,536**	**1,959**

Chi tiết về số cổ phiếu lưu hành trong năm 2010 như sau:

Thời gian	*Số cổ phiếu lưu hành*
Từ 01/01/2010 đến 29/11/2010	80.000.000
Từ 30/11/2010 đến 31/12/2010	40.000.000
Số cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2010	**83.178.082**

Chi tiết về số cổ phiếu lưu hành trong năm 2009 như sau:

Thời gian	*Số cổ phiếu lưu hành*
Từ 01/01/2009 đến 02/09/2009	42.000.000
Từ 03/09/2009 đến 23/12/2009	23.000.000
Từ 24/12/2009 đến 31/12/2009	15.000.000
Số cổ phiếu lưu hành bình quân năm 2009	**49.671.233**

2 *Giao dịch với các bên liên quan*

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2010 bao gồm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị nghìn đồng*
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Nhận vốn góp	234.718.750
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	2.210.000.000
		Thu lãi tiền gửi	21.802.799
		Trả lãi tiền vay	247.538.548
		Thu phí quản lý cổ đông	39.105
		Thu phí quản lý và bảo lãnh phát hành Trái phiếu	3.552.500
		Thu phí môi giới CK	289.360
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Một công ty con của công ty mẹ	Nhận đặt cọc	98.000.000
		Hoàn trả tiền đặt cọc	108.000.000
		Lãi đặt cọc	1.456.156
		Gửi tiền giao dịch chứng khoán	31.286.901
		Sử dụng tiền gửi	33.658.307
		Vốn nhận ủy thác đầu tư	296.598.773
		Hoàn vốn nhận ủy thác	15.557
		Góp vốn trong năm	14.990.000

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm:

Công ty liên quan	*Mối quan hệ*	*Các giao dịch*	*Khoản phải thu nghìn đồng*	*Khoản phải trả nghìn đồng*
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Tiền gửi thanh toán	36.902.456	-
		Hợp đồng mua bán chứng khoán	-	132.000.000
		Nhận ủy thác đầu tư		15.225.000
		Ủy thác đầu tư	3.000.000	-
		Lãi phải trả	-	2.749.891
Công ty CP Địa ốc MB	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn	852.130	-
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Một công ty con của công ty mẹ	Phải thu ủy thác đầu tư	296.548.760	-

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2009 bao gồm:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nội dung nghiệp vụ*	*Giá trị nghìn đồng*
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Nhận vốn góp	554.750.000
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	1.465.268.000
		Hợp đồng ủy thác đầu tư	3.000.000
		Thu lãi tiền gửi	4.912.221
		Thu phí môi giới CK	2.509.355
		Thu phí quản lý cổ đông	2.366.888
		Thu phí quản lý và bảo lãnh phát hành Trái phiếu	1.577.441
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư CK Hà Nội	Một công ty con của công ty mẹ	Thu phí môi giới CK	414.836

Số dư Công ty với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm:

Công ty liên quan	*Mối quan hệ*	*Các giao dịch*	*Khoản phải thu nghìn đồng*	*Khoản phải trả nghìn đồng*
Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty mẹ	Tiền gửi thanh toán	59.908.287	-
		Hợp đồng tiền gửi ngắn hạn	15.000.000	-
		Hợp đồng thỏa thuận hợp tác kinh doanh CK	-	15.525.000
		Phải trả cổ tức năm 2009	-	36.400.000
		Nhận kí quỹ giao dịch CK		48.327.278
Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư CK Hà Nội	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	10.000	-
		Vay ngắn hạn	-	10.000.000
Công ty CP Địa ốc MB	Một công ty con của công ty mẹ	Góp vốn đầu tư	5.000.000	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong năm 2010 là 4.960.230 nghìn đồng (Năm 2009 là 3.754.991 nghìn đồng).

3 *Các cam kết và các khoản nợ tiềm tàng*

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm nghìn đồng	*Số đầu năm nghìn đồng*
Đến 1 năm	2.824.956	9.338.579
Trên 1 - 5 năm	47.524.468	12.972.527
Trên 5 năm	12.780.341	-

Các khoản tiền thuê này được xác định trên cơ sở giá thuê trên hợp đồng hiệu lực vào ngày 31 tháng 12. Các khoản tiền thuê phải trả bằng tiền đô la Mỹ được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 18.932 đồng/đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 17.941 đồng/đô la Mỹ).

4 *Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty*

Chỉ tiêu	*Đơn vị tính*	*Năm nay*	*Năm trước*
Bố trí cơ cấu tài sản			
Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	0,54%	0,74%
Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	85,25%	90,02%
Khả năng thanh toán			
Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản	%	78,61%	79,00%
Nợ phải trả/ tổng tài sản			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,12	1,19
Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn			
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,12	1,19
(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
Khả năng thanh toán bằng tiền	Lần	0,13	0,29
Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn			
Tỷ suất lợi nhuận			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	3,40%	14,39%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản)	%	0,68%	2,10%
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ (Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ)	%	3,71%	9,98%

5 *Các sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán năm*

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

Người lập

Bà Trương Tú Anh
Kế toán trưởng

Người phê duyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Ông Lê Đình Ngọc
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 2 năm 2011

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

CƠ CẤU TỔ CHỨC

TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CƠ CẤU TỔ CHỨC

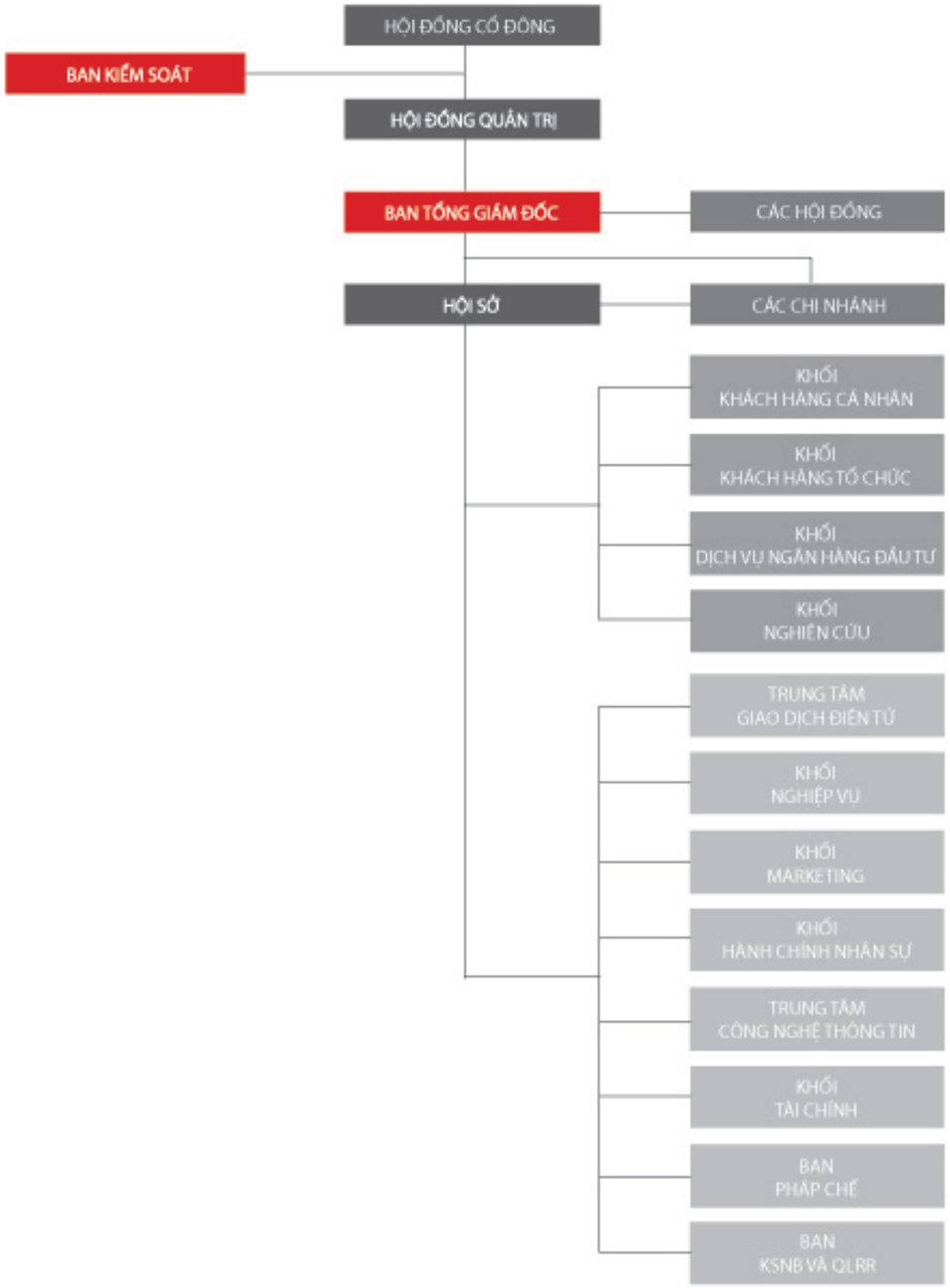

TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lê Đình Ngọc

Chức vụ hiện tại Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc TLS
Giới tính Nam
Ngày sinh 22/10/1976
Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kinh tế
Quá trình công tác

- 1998 – 2000: Làm việc tại Phòng Quản lý dự án, Ngân hàng TMCP Quân Đội
- 2000 –2003: Phó phòng Kế hoạch kinh doanh TLS
- 2003 –2004: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh TLS
- 2004 – 2006: Phó Giám đốc TLS
- Tháng 03/2006: Giám đốc TLS
- Tháng 01/2008: Tổng Giám đốc TLS

Ông Trịnh Khắc Hậu

Chức vụ hiện tại Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc TLS
Giới tính Nam
Ngày sinh 11/10/1969
Trình độ chuyên môn Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác

- 1986 – 2001: Nghiên cứu sinh và làm việc với chức danh Quản lý tại một số doanh nghiệp lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính và tài trợ dự án tại Liên Xô cũ (nay là Liên Bang Nga)
- 2001 – 2005: Làm việc tại Phòng quản lý dự án, Ngân hàng TMCP Quân đội
- 2005: Phụ trách Khối Môi giới của TLS
- Tháng 05/2006: Phó Giám đốc Công ty TLS
- Tháng 01/2008: Phó Tổng Giám đốc TLS

Ông Quách Mạnh Hào

Chức vụ hiện tại Phó Tổng Giám đốc TLS
Giới tính Nam
Ngày sinh 05/03/1976
Trình độ chuyên môn Tiến sỹ Kinh tế
Quá trình công tác

- 1998 - 2001: Trợ lý tư vấn thuế tại Pricewaterhouse Coopers Hanoi
- 2001 - 2005: Du học tại Vương Quốc Anh và được trao bằng MBA, Tiến sỹ về Kinh tế Tài chính tại Đại học Birmingham, Vương Quốc Anh
- 2005 - 2006: Chuyên viên Tài trợ dự án tại Công ty Tư vấn Tài chính Community Finance Solutions, thành phố Manchester, Vương Quốc Anh
- 2006 đến nay: Làm việc tại TLS
- Tham gia công tác nghiên cứu và phân tích về Thị trường Tài chính; tham dự nhiều hội thảo quốc tế và có các bài viết đăng tải trên các tạp chí trong nước và nước ngoài về lĩnh vực Tài chính, đặc biệt là lĩnh vực Dịch vụ Tài chính nhỏ. Tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại Học như Hanoi School of Business, Birmingham Business School, Liverpool University, Salford Uniervsity (thành phố Manchester, Vương Quốc Anh), và California State University tại Long Beach (Hoa Kỳ)
- Tháng 08/2008 đến nay: Phó Tổng Giám đốc TLS

Bà Ngô Thanh Hằng

Chức vụ hiện tại Phó Tổng Giám đốc TLS
Giới tính Nữ
Ngày sinh 05/01/1961
Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác

- 1984 - 1992: Làm việc tại Viện Chiến lược
- 1992 - 1993: Làm việc tại Đại sứ quán Úc tại Việt Nam
- 1993 - 2001: Chủ nhiệm cao cấp Pricewaterhouse
- 2001 - 2003: Phó Giám đốc Ernts & Young
- 2003 - 2010: Giám đốc Ttoyal
- 2008 - 2009: Giám đốc công ty Chứng khoán Đại Tây Dương.
- Tháng 3/2010 – 2/2011: Phó Tổng Giám đốc TLS

Ông Mạc Quang Huy

Chức vụ hiện tại Phó Tổng Giám đốc TLS
Giới tính Nam
Ngày sinh 03/12/1976
Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác

- 2000 – 2006: Phó Giám đốc kiểm toán phụ trách các Khách hàng thuộc mảng dịch vụ tài chính – Công ty KPMG Anh Quốc (Leeds, UK)
- 2002 – 2005 và 1996 -2000: Giám đốc Cao cấp kiêm trưởng bộ phận TVTC – Công ty KPMG Việt Nam
- 2005 – 2008: Giám đốc Nguồn vốn khu vực Châu Á – Ngân hàng đầu tư Lehman Brothers (Tokyo, Nhật Bản)
- 2008 – 2010: Giám đốc tài chính và Giám đốc phụ trách sản phẩm – Ngân Hàng đầu tư Momura Australia Ltd (Sydeney, Australia)
- Tháng 10/2010 đến nay: Tạm giao chức vụ Phó Tổng Giám đốc TLS

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Số lượng CBNV tính đến hết 31/12/2010: 577 người

Với chính sách nhân sự lấy con người làm trọng tâm, Công ty luôn luôn quan tâm đến quyền lợi của người lao động. Công ty thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đầy đủ. Ngoài ra cán bộ nhân viên còn được công ty mua bảo hiểm sức khỏe với số tiền đền bù tối đa lên tới 15.000.000 đồng/người.

Trong năm qua đã có một số thay đổi như sau:

Thay đổi thành viên HĐQT:

Hai thành viên không còn tham gia vào HĐQT:

- Ông Phạm Tuấn: Ủy viên
- Ông Phạm Viết Thích: Ủy viên

Ba thành viên mới tham gia vào HĐQT:

- Bà Nguyễn Minh Châu: Ủy viên
- Ông Trương Quang Khánh: Ủy viên
- Ông Phan Phương Anh: Ủy viên

Thay đổi thành viên ban kiểm soát:

- Bà Đoàn Mỹ Bình thay bà Thẩm Thị Thúy – Thành viên ban kiểm soát
- Các thành viên khác giữ nguyên

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT), BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trịnh Khắc Hậu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Ông Trương Quang Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Ông Phan Phương Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010
Bà Nguyễn Minh Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 04 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	*Chức vụ*	*Ngày bổ nhiệm*
Bà Lê Thu Vân	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007
Bà Đoàn Như Ý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2009
Bà Đoàn Mỹ Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 07 năm 2010

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2010, HĐQT đã bám sát các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) giao, quyết liệt và linh hoạt chỉ đạo điều hành theo diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng mọi hoạt động của Công ty.

ĐHĐCĐ thường niên 2010 đã bầu bổ sung 03 thành viên HĐQT là: Ông Trương Quang Khánh, Ông Phan Phương Anh, Bà Nguyễn Minh Châu để thay thế cho 02 thành viên cũ là Ông Phạm Tuấn và Ông Phạm Viết Thích. Lý do: Cổ đông lớn (Ngân hàng TMCP Quân đội) thay đổi người đại diện quản lý phần vốn góp tại TLS.

Cùng với việc xem xét, quyết định các công việc thuộc phạm vi đã được phân cấp, HĐQT cũng đã dành thời gian đáng kể để thảo luận, xem xét những nội dung mang tính định hướng chuyên đề như: thảo luận chuyên đề về chiến lược phát triển, cơ cấu nhân sự cao cấp, định hướng chỉ đạo hoạt động đầu tư, …

Năm 2010, với việc cử ra Thường trực HĐQT, có nhiệm vụ xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT giữa 02 kỳ họp, HĐQT TLS đã kịp thời chỉ đạo, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển và chỉ tiêu kinh doanh mà ĐHĐCĐ đặt ra.

Đánh giá một cách khách quan, tất cả các thành viên HĐQT đã cố gắng hoàn thành tốt chức trách của mình, hành động vì lợi ích cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Công ty.

Tổng kết các cuộc họp của HĐQT

Trong năm 2010, HĐQT đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT TLS. Các vấn đề chỉ đạo và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được các thành viên HĐQT bàn bạc công khai biểu quyết.

Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý

Tại các phiên họp định kỳ, HĐQT công ty đều tiến hành thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và thảo luận thống nhất kế hoạch giai đoạn sau do Ban Tổng Giám đốc trình bày. Các cuộc họp đều được thảo luận dân chủ, công khai và có trách nhiệm cao. Trong đó, đối với mọi vấn đề liên quan các thành viên HĐQT đều có quyền yêu cầu Ban điều hành giải trình và đưa ra giải pháp xử lý các tình huống phát sinh.

Công tác quản trị công ty được duy trì, củng cố và đổi mới đáp ứng được yêu cầu công việc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự và đúng quy định của Điều lệ.

Nhìn chung, hoạt động giám sát được tiến hành chặt chẽ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

KẾ HOẠCH ĐỂ TĂNG CƯỜNG HIỆU QUẢ TRONG HOẠT ĐỘNG TRONG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát; củng cố và nâng cao năng lực của bộ máy kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả và bảo quản vốn.
- Đi đôi với việc hoàn thiện chiến lược và các kế hoạch phát triển trung và dài hạn, tiếp tục bổ sung, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình tác nghiệp, hệ thống báo cáo quản trị và thông tin quản lý, chú trọng công tác quản trị rủi ro.
- Củng cố và nâng cao giá trị thương hiệu, tăng cường quan hệ với cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới công chúng một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.
- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và các quy định nội bộ khác của Công ty.

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN

STT	*Họ và tên*	*Chức vụ*	*Số CP*	*Giá trị (VNĐ)*	*Tỷ lệ (%)*
1	Ông Lê Văn Bé	Chủ tịch	25.142.130	251.421.300.000	20.95
2	Ông Lê Đình Ngọc	Phó Chủ tịch	1.429.155	14.291.550.000	1.19
3	Ông Trịnh Khắc Hậu	Ủy viên	1.240.141	12.401.410.000	1.03
4	Ông Trương Quang Khánh	Ủy viên	26.719.875	267.198.750.000	22.27
5	Ông Phan Phương Anh	Ủy viên	219.960	2.199.600.000	0.18
6	Bà Nguyễn Minh Châu	Ủy viên	23.751.000	237.510.000.000	19.79

MẠNG LƯỚI

Tại Hà Nội
Trụ sở chính

Tầng 6, Tòa nhà Hanoi Toserco
273 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 4 37262600
Fax: +84 4 37262601

Phòng Giao dịch Kim Mã
Tầng 6, Tòa nhà Hanoi Toserco
273 Kim Mã, Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 4 37262600
Fax: +84 4 37262601

Phòng Giao dịch Lý Nam Đế
14C Lý Nam Đế
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 37337671
Fax: +84 4 37337890

Phòng Giao dịch Hoàng Quốc Việt
126 Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 4 37557668
Fax: +84 4 37557589

Phòng Giao dịch Liễu Giai
16 Liễu Giai
Quận Ba Đình, Hà Nội
Tel: +84 4 44568668
Fax: +84 4 39446380

Phòng Giao dịch Láng Hạ
Tầng 4, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 4 44568668
Fax: +84 4 62767536

Phòng Giao dịch Khâm Thiên
195 Khâm Thiên
Quận Đống Đa, Hà Nội
Tel: +84 4 44568668
Fax: +84 4 35134076

Phòng Giao dịch Khuất Duy Tiến
Tầng 1, Tòa nhà Licogi 13, Khuất Duy Tiến
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Tel: +84 4 35430002
Fax: +84 4 35430003

Tại Thành phố Hải Phòng

Chi nhánh Hải Phòng
28A Lý Tự Trọng
Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel: +84 31 4509666
Fax: +84 31 3821885

Tại Thành phố Thanh Hóa

Chi nhánh Thanh Hóa
Tầng 2, số 749 Bà Triệu
TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa
Tel: +84 37 3960999
Fax: +84 37 3253499

Tại Thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Đà Nẵng
255 - 257 Hùng Vương
Quận Thanh Khê, Đà Nẵng
Tel: +84 511 4456868
Fax: +84 511 3666969

Tại Thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
Tầng 2, Tòa nhà Petro Việt Nam
1 - 5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Tel: +84 8 39106411
Fax: +84 8 39106412

Phòng Giao dịch Tôn Đức Thắng
02 Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP. HCM
Tel: +84 8 39102215
Fax: +84 8 39102216

Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ
86 - 88 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, TP. HCM
Tel: +84 8 44568668
Fax: +84 8 39140930 - 39140938

Phòng Giao dịch Phan Xích Long
80 - 82 Phan Xích Long
Quận Phú Nhuận, TP. HCM
Tel: +84 8 39959068 – 39959067
Fax: +84 8 39959062

Phòng Giao dịch Bắc Sài Gòn
Số 3 Nguyễn Oanh
Quận Gò Vấp, TP. HCM
Tel: +84 8 39894425
Fax: +84 8 39894428

Phòng Giao dịch Lê Đại Hành
357A - 357C Lê Đại Hành
Quận 11, TP. HCM
Tel: +84 8 44568668
Fax: +84 8 39621208

Phòng Giao dịch Trần Đình Xu
78 - 80 Trần Đình Xu
Quận 1, TP. HCM
Tel: +84 8 38388384 - 38388385
Fax: +84 8 38388386

Tại Thành phố Vũng Tàu

Chi nhánh Vũng Tàu
Tầng 1, Tòa nhà VCCI Vũng Tàu
155 Nguyễn Thái Học, TP. Vũng Tàu
Tel: +84 64 3594849
Fax: +84 64 3594050